

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

**MỘT SỐ VĂN BẢN
VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH
ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH VÀ HỘI VIÊN
HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

TẬP II

**TỦ SÁCH PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH CỦA HỘI
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

HÀ NỘI, NĂM 2022

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

CHỈ ĐẠO

Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Lê Khương Mỹ

Hoàng Tiến Mai

Ngô Công Đoàn

LỜI NÓI ĐẦU

Khi hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần được đơn vị Quân đội chủ trì tổ chức lễ tang theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng; hoặc được cấp tỉnh, thành phố (cấp huyện, quận) tổ chức lễ tang theo quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp tổ chức lễ tang tại gia đình, được chính quyền cấp xã, phường (hoặc thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố) tổ chức lễ tang và được Hội Cựu chiến binh tổ chức Lễ phủ Quân kỳ theo quy định tại Quyết định số 491/QĐ-CCB ngày 09/11/2022 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam là sĩ quan, cán bộ Quân đội nghỉ hưu được Cơ quan Quân sự địa phương hoặc cơ quan, đơn vị cũ đăng ký quản lý (theo phân cấp) và được hưởng một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BQP của Bộ Quốc phòng.

Nhằm giúp cán bộ, hội viên Hội Cựu chiến binh có tài liệu nghiên cứu, tập huấn và tuyên truyền, phổ biến một số chế độ, chính sách hiện hành (nêu trên). Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo Ban Tổ chức - Chính sách biên tập và phát hành cuốn:

“MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH VÀ HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM - TẬP II”. Tài liệu có **03 phần:**

Phần một: Quy định của Trung ương Hội về tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần.

Phần hai: Quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức và quân nhân.

Phần ba: Quy định của Bộ Quốc phòng về một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc cán bộ Quân đội nghỉ hưu.

Tài liệu thuộc “Tủ sách phổ biến chính sách của Hội”.

Trân trọng giới thiệu và rất mong các đồng chí tham gia đóng góp để “Tủ sách phổ biến chính sách của Hội” ngày càng hoàn chỉnh hơn./.

BAN BIÊN TẬP

MỤC LỤC

TT	TÊN TÀI LIỆU	TRANG
1.	PHẦN I Quy định của Trung ương Hội về tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, tử trận	3
2.	Quyết định số 491/QĐ-CCB ngày 09/11/2022 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam ban hành Quy định về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, tử trận	4
3.	Bảng tổng hợp các mẫu biểu (Ban hành kèm theo Quy định số 491/QĐ-CCB)	17
6.	PHẦN II Quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức và quân nhân	26
4.	Trích: Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17/12/2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức	27
5.	Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý	34
6.	PHẦN III Quy định của Bộ Quốc phòng về một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ Quân đội nghỉ hưu	54
7.	Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ Quân đội nghỉ hưu	55
8.	Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP	71

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

PHẦN I

QUY ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG HỘI VỀ VIỆC THAM GIA TỔ CHỨC LỄ TANG HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM HY SINH, TỬ TRẦN

Số: 491/QĐ-CCB

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần

CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005; Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cựu chiến binh;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý;

Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức-Chính sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đước

QUY ĐỊNH

Về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-CCB
ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định Hội Cựu chiến binh các cấp tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam (sau đây viết tắt là hội viên);

b) Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là cấp tỉnh, thành phố); Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là cấp huyện, quận); Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là cấp xã, phường); Hội Cựu Chiến binh các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương (sau đây viết tắt là Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương); chi hội Cựu chiến binh (sau đây viết tắt là chi hội) và Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh Việt Nam (sau đây viết tắt là Hiệp hội).

Điều 2. Nguyên tắc tham gia tổ chức lễ tang

1. Tham gia tổ chức lễ tang hội viên hy sinh, từ trần phải trang nghiêm, phù hợp với các quy định của pháp luật; thống nhất với quy định về lễ tang của Bộ

Quốc phòng và quy định cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; kế thừa nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội.

2. Lễ phủ Quân kỳ hội viên hy sinh, từ trần là quy định của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhằm tôn vinh, tri ân, ghi nhận sự hy sinh, cống hiến của hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế; tham gia xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Trang phục của Tô Quân kỳ, các bước tiến hành Lễ phủ Quân kỳ phải bảo đảm sự thống nhất trong toàn Hội, vừa phải phù hợp điều kiện từng vùng, miền; phù hợp phong tục, tập quán của địa phương, dân tộc, tôn giáo về lễ tang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lễ tang là nghi lễ chôn cất người chết; Lễ tang thường có các nghi lễ, như: Lễ khâm niệm, lễ viếng, lễ truy điệu và lễ an táng (hoặc hỏa táng).

2. Nghi thức lễ tang trong Quân đội được hiểu là:

- a) Việc tổ chức lễ tang do đơn vị Quân đội chủ trì;
- b) Địa điểm tổ chức ở nhà tang lễ các bệnh viện do Quân đội quản lý;
- c) Các nghi lễ được thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Quốc phòng;
- d) Lực lượng phục vụ lễ viếng, lễ truy điệu và lễ an táng; đội tiêu binh túc trực bên linh cữu, đội quân nhạc và các phương tiện phục vụ lễ tang đều do Đoàn nghi lễ Quân đội hoặc Đội nghi lễ các đơn vị Quân đội đảm nhiệm.

3. Linh cữu là quan tài có thi thể người chết đặt tại nhà tang lễ hoặc tại gia đình để tổ chức lễ viếng, lễ truy điệu trước khi đưa đi an táng hoặc hỏa táng.

4. Hũ đựng tro cốt, hoặc tiểu quách đựng tro cốt là vật dụng để bảo quản tro cốt của người chết sau khi thi thể được hỏa táng hoặc điện táng.

5. Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, như: Thảm họa thiên tai, động đất, núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh phải cách ly y tế...

Điều 4. Các trường hợp tham gia tổ chức lễ tang

1. Khi hội viên hy sinh, từ trần Hội Cựu chiến binh không chủ trì, chỉ phối hợp tham gia tổ chức lễ tang trong các trường hợp sau:

a) Lễ tang do đơn vị Quân đội chủ trì:

Ban Tổ chức Lễ tang do đơn vị Quân đội thành lập theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý;

b) Lễ tang do cấp tỉnh, thành phố hoặc cấp huyện, quận chủ trì:

Ban Tổ chức Lễ tang do chính quyền cấp tỉnh, thành phố, hoặc cấp huyện, quận thành lập theo quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

c) Lễ tang do cấp xã, phường (hoặc thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố) chủ trì:

Ban Tổ chức Lễ tang do chính quyền cấp xã, phường (hoặc do tổ chức ở cấp thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố) thành lập.

2. Nhiệm vụ Hội Cựu chiến binh tham gia tổ chức lễ tang hội viên hy sinh, từ trần quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐT BXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây viết tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 5. Báo tin lễ tang; đăng tin buồn và tổ chức đoàn viếng

1. Nội dung báo tin lễ tang hội viên hy sinh, từ trần gồm: Họ và tên, năm sinh; thời gian hy sinh, từ trần; cấp bậc quân hàm, chức vụ cao nhất đã qua; cơ quan, đơn vị đã hoặc đang công tác của người hy sinh, từ trần; cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang; địa điểm tổ chức lễ tang, thời gian thực hiện các nghi lễ.

2. Đăng tin buồn

a) Đối tượng được đăng tin buồn

Hội viên hy sinh, từ trần là cán bộ giữ các chức vụ sau đây (đang công tác Hội hoặc đã nghỉ công tác Hội) được đăng tin buồn trên Báo Cựu chiến binh Việt Nam và Trang thông tin điện tử Báo Cựu chiến binh Việt Nam. Cụ thể:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh Việt Nam;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội, Hội Doanh nhân Cựu chiến binh (hoặc Câu lạc bộ Doanh nhân Cựu chiến binh) cấp tỉnh, thành phố;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương;

- Trưởng Ban, Phó ban, Chánh Văn phòng, Phó Văn phòng và Thư ký Chủ tịch thuộc Cơ quan Trung ương Hội; Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Cựu chiến binh Việt Nam; Giám đốc, Phó Giám đốc Làng Hữu nghị Việt Nam.

b) Thủ tục, trách nhiệm

- Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường chuẩn bị tin buồn, xin ý kiến gia đình và Ban Tổ chức lễ tang, gửi tin buồn về Hội Cựu chiến binh cấp huyện, quận để gửi về Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố thẩm định;

- Hội Cựu chiến binh cơ sở (thuộc Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương) chuẩn bị tin buồn, xin ý kiến gia đình và Ban Tổ chức lễ tang, gửi tin buồn về Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương thẩm định;

- Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố và Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương gửi tin buồn về Báo Cựu chiến binh Việt Nam:

+ Gửi Công văn đề nghị theo địa chỉ: Báo Cựu chiến binh Việt Nam, số 34 phố Lý Nam Đế, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

+ Có thể gửi Công văn đề nghị qua Email: nghiatinhccb@gmail.com;

+ Điện thoại trao đổi: (024) 38.234.410; (024) 37. 280. 917

c) Nội dung Công văn đề nghị đăng tin buồn (tại Phụ lục số 01-CCB).

3. Tổ chức đoàn viếng và ủy quyền tổ chức đoàn viếng

a) Hội Cựu chiến binh cấp có Ban Chấp hành lấy danh nghĩa đoàn viếng của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp mình. Trưởng đoàn là đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc 01 Ủy viên Ban Chấp hành. Thành viên là cán bộ, hội viên Hội Cựu chiến binh cấp cơ sở có người hy sinh, tử trận;

b) Trường hợp vì lý do khách quan không tổ chức được đoàn viếng

Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp trên ủy quyền cho Hội Cựu chiến binh cấp dưới trực tiếp đi viếng. Hội Cựu chiến binh cấp ủy quyền có trách nhiệm trả tiền vòng hoa viếng, lễ viếng (nếu có).

4. Vòng hoa và băng vòng hoa viếng

a) Khuyến khích Hội Cựu chiến binh sử dụng vòng hoa luân chuyển do Ban Tổ chức Lễ tang chuẩn bị; hoặc thống nhất với đoàn thể cùng cấp chuẩn bị;

b) Băng vòng hoa có màu đen, chữ trắng ghi: “Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh ... Kính viếng”; hoặc “Chi hội Cựu chiến binh...Kính viếng”.

Điều 6. Đối tượng được phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cửu

1. Đối tượng áp dụng

a) Lễ phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cửu áp dụng thực hiện đối với hội viên hy sinh, tử trận được tổ chức lễ tang tại gia đình, hoặc tổ chức tại nhà tang lễ các bệnh viện không thuộc Quân đội quản lý, gồm:

- Hội viên đã có quyết định kết nạp;
- Hội viên Hội Cựu chiến binh Khối 487 chuyển sinh hoạt về địa phương;
- Hội viên chuyển sinh hoạt về địa phương khác do thay đổi nơi cư trú.

b) Quyết định kết nạp và Giấy chuyển sinh hoạt do Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp cơ sở ký (theo quy định của Điều lệ Hội).

2. Không thực hiện Lễ phủ Quân kỳ đối với các trường hợp:

- a) Đối tượng không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này;
- b) Hội viên chết mà nguyên nhân cái chết gây ra dư luận xấu và bức xúc trong xã hội, địa phương và tổ chức Hội (Hội Cựu chiến binh xã, phường xem xét, quyết định việc có, hoặc không thực hiện Lễ phủ Quân kỳ);
- c) Do gia đình đề nghị không thực hiện;
- d) Do có sự kiện bất khả kháng, không thực hiện được.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH CÁC CẤP

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh cơ sở

1. Nhiệm vụ của chi hội

a) Báo tin lễ tang về Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường;

- b) Tham gia Ban Tổ chức Lễ tang (do thôn, ấp, bản, tổ dân phố thành lập);
- c) Tham gia chuẩn bị lời điếu;
- d) Tổ chức phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu (nếu được ủy quyền);
- đ) Tổ chức đoàn viếng hội viên hy sinh, tử trần (do chi hội quản lý).

2. Nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường

- a) Báo tin lễ tang về Hội Cựu chiến binh cấp huyện, quận;
- b) Tham gia Ban Tổ chức Lễ tang (do cấp xã, phường thành lập);
- c) Tham gia chuẩn bị lời điếu;
- d) Ký Quyết định phủ Quân kỳ và công bố Quyết định phủ Quân kỳ;
- đ) Điều hành Lễ phủ Quân kỳ, thu Quân kỳ và túc trực bên linh cữu;
- e) Tổ chức đoàn viếng hội viên hy sinh, tử trần là đảng viên, cán bộ diện cấp xã, phường quản lý; quân nhân cấp bậc quân hàm Trung tá, Thiếu tá hoặc nguyên giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương.

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh cấp huyện, quận

Khi hội viên (có chức danh quy định tại Khoản 3 Điều này) hy sinh, tử trần được tổ chức chức lễ tang tại gia đình, hoặc tại nhà tang lễ trên cùng địa bàn.

Hội Cựu chiến binh cấp huyện, quận có nhiệm vụ:

1. Báo tin lễ tang về Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố.
2. Tham gia Ban Tổ chức Lễ tang (do cấp huyện, quận thành lập; hoặc do đơn vị cấp lữ đoàn, trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện thành lập).
3. Tổ chức đoàn viếng hội viên hy sinh, tử trần là:
 - a) Đảng viên, cán bộ thuộc diện huyện ủy, quận ủy quản lý; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp huyện, quận; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân, Câu lạc bộ Doanh nhân và chi hội Doanh nhân Cựu chiến binh cấp huyện, quận;
 - b) Hội viên là quân nhân cấp bậc Thượng tá; chức vụ nguyên lãnh đạo, chỉ huy lữ đoàn, trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, quận và tương đương.

Điều 9. Nhiệm vụ Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố

Khi hội viên (có chức danh quy định tại Khoản 3 Điều này) hy sinh, tử trần được tổ chức chức lễ tang tại gia đình, hoặc tại nhà tang lễ trên cùng địa bàn.

Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố có nhiệm vụ:

1. Thăm định tin buồn; gửi tin buồn về Báo Cựu chiến binh Việt Nam.
2. Tham gia Ban Tổ chức Lễ tang (do cấp tỉnh, thành phố thành lập; hoặc do đơn vị cấp sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và trương đương thành lập).

3. Tổ chức đoàn viếng hội viên hy sinh, từ trần là:

a) Đảng viên, cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy quản lý; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội, hội Doanh nhân, Câu lạc bộ Doanh nhân Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố;

b) Hội viên là quân nhân có cấp bậc Đại tá trở lên; chức vụ nguyên lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, thành phố; Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, cấp cục, vụ, viện và cấp tương đương trở lên.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội Cựu Chiến binh Khối 487 ở Trung ương

1. Thăm định tin buồn; gửi tin buồn về Báo Cựu chiến binh Việt Nam.
2. Tham gia Ban Tổ chức Lễ tang trong các trường hợp:

a) Lễ tang do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý hội viên tổ chức;

Hội viên hy sinh, từ trần là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Lễ tang do cấp ủy đảng, đoàn thể, chính quyền địa phương tổ chức;

Hội viên hy sinh, từ trần nguyên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã chuyển sinh hoạt về địa phương (theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Khối 487 ở Trung ương quy định và phân cấp cho Hội Cựu chiến binh (cấp mình, cấp cơ sở hoặc cấp chi hội) tổ chức đoàn viếng đối với hội viên đang công tác, hoặc đã nghỉ hưu hy sinh, từ trần.

CHƯƠNG III

THÀNH LẬP TỔ QUÂN KỲ, TRANG PHỤC CỦA TỔ QUÂN KỲ

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH LỄ PHỦ QUÂN KỲ

Điều 11. Thành lập Tổ Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ

1. Thành lập Tổ Quân kỳ

a) Tổ Quân kỳ do cấp xã, phường thành lập, hoặc do chi hội thành lập;

b) Tổ Quân kỳ có 05 người, gồm: Tổ trưởng là người xếp Quân kỳ, trao Quân kỳ và điều hành các động tác của Tổ Quân kỳ; 04 tổ viên làm nhiệm vụ phủ Quân kỳ, thu Quân kỳ và túc trực bên linh cữu;

c) Chỉ huy Tổ Quân kỳ là người điều hành Lễ phủ Quân kỳ và đọc Quyết định phủ Quân kỳ. Chỉ huy Tổ Quân kỳ do Chủ tịch, hoặc Phó Chủ tịch, hoặc 01 Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường đảm nhiệm;

Trường hợp ủy quyền chi hội thành lập Tổ Quân kỳ, Chỉ huy Tổ Quân kỳ do chi hội trưởng hoặc chi hội phó đảm nhiệm;

d) Chi hội lựa chọn và giới thiệu hội viên là người tự nguyện, có trách nhiệm và có sức khỏe tham gia thành viên Tổ Quân kỳ;

đ) Tổ Quân kỳ được tập huấn thành thạo các động tác theo nghi thức. Thành viên Tổ Quân kỳ được bồi dưỡng theo ngày phục vụ lễ tang.

2. Trang phục của Tổ Quân kỳ

a) Khi tham gia lễ tang Tổ Quân kỳ được sử dụng quân phục, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của sĩ quan theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 37 Luật sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam (về quyền lợi được sử dụng quân phục đối với sĩ quan nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành và nghỉ bệnh binh);

b) Việc quản lý Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ do Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường (hoặc chi hội) đảm nhiệm.

3. Thường trực Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố báo cáo Ban Thường vụ xem xét, quyết định các nội dung sau:

a) Quy định cho Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường (hoặc cấp chi hội) thành lập Tổ Quân kỳ; phân cấp trách nhiệm quản lý Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ cho Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường (hoặc cấp chi hội);

b) Trao đổi, thống nhất với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố để quyết định phương thức đảm bảo Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ;

c) Lựa chọn kiểu, mẫu bộ trang phục của Tổ Quân kỳ để thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh, thành phố. Trường hợp chọn kiểu trang phục là bộ nghi lễ màu trắng, tham khảo “Danh mục trang bị của Tổ Quân kỳ” (tại Phụ lục số 02-CCB).

Điều 12. Các bước tiến hành Lễ phủ Quân kỳ

Khi làm công tác chuẩn bị tổ chức lễ tang, Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường (hoặc chi hội) trao đổi với gia đình; báo cáo Ban Tổ chức lễ tang, lãnh đạo nhà tang lễ (nếu tổ chức tại nhà tang lễ) để có ý kiến thống nhất các nội dung có liên quan đến Lễ phủ Quân kỳ và Lễ truy điệu như sau:

1. Thời gian phủ Quân kỳ, thu Quân kỳ

a) Phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu: Trước khi tổ chức Lễ truy điệu;

b) Thu Quân kỳ: Sau khi kết thúc Lễ truy điệu.

2. Thành phần dự Lễ phủ Quân kỳ và Lễ truy điệu

a) Gia đình và người dân thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố;

b) Mời đại diện cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở địa phương;

c) Thành viên Ban Tổ chức lễ tang, Tổ Quân kỳ;

d) Đại diện Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường; Hội đồng ngũ và hội viên chi hội có người hy sinh, tù trần;

đ) Hội Cựu chiến binh Khối 487 và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp là đơn vị công tác trước đây của hội viên (nếu có).

3. Các bước tiến hành Lễ phủ Quân kỳ, thu Quân kỳ

- Bước 1: Ban Tổ chức Lễ tang tuyên bố lý do; giới thiệu đồng chí Chỉ huy Tổ Quân kỳ thay mặt Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường (hoặc giới thiệu đồng chí chi hội trưởng nếu được ủy quyền) điều hành Lễ phủ Quân kỳ;

- Bước 2: Chỉ huy Tổ Quân kỳ điều hành Tổ Quân kỳ vào vị trí;

- Bước 3: Chỉ huy Tổ Quân kỳ công bố Quyết định phủ Quân kỳ; tiếp theo Tổ trưởng Tổ Quân kỳ điều hành động tác phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu;

- Bước 4: Ban Tổ chức lễ tang điều hành Lễ truy điệu; tuyên bố phút mặc niệm; mời đại diện gia đình phát biểu cảm ơn; tuyên bố kết thúc Lễ truy điệu;

- Bước 5: Tổ trưởng Tổ Quân kỳ điều hành động tác thu Quân kỳ và tham gia chuyển linh cữu ra xe tang.

4. Thống nhất với Ban Tổ chức lễ tang và gia đình:

a) Bố trí vị trí đặt linh cữu, vị trí đứng của gia đình và đại biểu dự Lễ phủ Quân kỳ sao cho phù hợp, để thuận tiện cho Tổ Quân kỳ thực hiện động tác Phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu.

b) Trường hợp thay đổi thời gian phủ Quân kỳ, thu Quân kỳ. Hội Cựu chiến binh xã, phường (hoặc chi hội) nghiên cứu, đề xuất với Ban Tổ chức lễ tang điều chỉnh lại các bước tiến hành Lễ phủ Quân kỳ cho phù hợp.

5. Tham khảo các mẫu: Quyết định phủ Quân kỳ (Phụ lục số 03-CCB); Hướng dẫn động tác phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu (Phụ lục số 04-CCB).

CHƯƠNG IV

KINH PHÍ BẢO ĐẢM VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí bảo đảm

1. Kinh phí tham gia tổ chức lễ tang được bảo đảm từ các nguồn:

- a) Đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp hỗ trợ;
- b) Do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ;
- c) Từ hội phí và từ đóng góp của hội viên.

2. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 9 và Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ (về việc lập dự toán kinh phí và đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bảo đảm kinh phí cho Hội Cựu chiến binh). Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, hỗ trợ kinh phí; hoặc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, hỗ trợ kinh phí bảo đảm Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ (tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều này).

3. Nội dung chi tham gia tổ chức lễ tang, gồm:

- a) Bảo đảm Quân kỳ, trang phục của Tổ Quân kỳ;
- b) Trang bị để bảo quản Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ;
- c) Thuê giặt là Quân kỳ và trang phục của Tổ Quân kỳ;

d) Vòng hoa viếng và lễ viếng;

đ) Bảo đảm phương tiện đi lại cho Tổ Quân kỳ (nếu có khó khăn về đi lại);

e) Bồi dưỡng tham gia phục vụ lễ tang cho thành viên Tổ Quân kỳ.

Điều 14. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội

1. Ban Tổ chức-Chính sách

a) Chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định;

b) Biên tập, in ấn tài liệu tuyên truyền, phổ biến chính sách;

c) Phối hợp với Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội và tổ chức cơ quan, đơn vị Quân đội có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất Video “Hướng dẫn động tác phủ Quân kỳ” phục vụ tập huấn;

d) Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; đề xuất, hướng dẫn xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Các Ban, Văn phòng thuộc Trung ương Hội

Phối hợp với Ban Tổ chức-Chính sách phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện Quy định; phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện.

3. Báo Cựu chiến binh Việt Nam

Phối hợp tuyên truyền nội dung Hội Cựu chiến binh tham gia tổ chức lễ tang; đăng tin buồn hội viên hy sinh, từ trần theo Quy định.

Điều 15. Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh, thành phố

1. Quán triệt và tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện Quy định.

2. Báo cáo tỉnh ủy, thành ủy về nhiệm vụ tham gia tổ chức lễ tang; đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí tham gia tổ chức lễ tang.

3. Thông báo Quy định này đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Bộ Chỉ huy quân sự, các sở, ban, ngành và đoàn thể cùng cấp phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện; hướng dẫn, đề xuất xử lý các vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện.

4. Ban hành hướng dẫn vận động các tổ chức, cá nhân và hội viên hỗ trợ kinh phí (tại điểm b và điểm c Khoản 1 Điều 13 Quy định này) theo nguyên tắc:

a) Mỗi nhiệm kỳ đại hội (05 năm) chỉ vận động một lần;

b) Nguồn thu từ hội viên đóng góp được giữ lại 100% ở Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường và chi hội (không nộp về tổ chức Hội cấp trên) để hỗ trợ chi các nội dung tại điểm c, d, đ và điểm e Khoản 3 Điều 13 Quy định này;

c) Hướng dẫn phải rõ, cụ thể về đối tượng vận động; đối tượng không vận động; mức vận động; tỷ lệ giữ lại tại Hội Cựu chiến binh các cấp; việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch; phân công rõ trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí, không để xảy ra sai sót, tiêu cực.

Vận động ủng hộ kinh phí phải được sự đồng thuận của tổ chức Hội, của hội viên và phải thống nhất trong phạm vi tỉnh, thành phố.

Điều 16. Hội Cựu Chiến binh Khó 487 ở Trung ương

1. Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy định.
2. Báo cáo cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp cấp mình để chỉ đạo và phối hợp thực hiện.

Điều 17. Đề nghị Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh Việt Nam

Tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến tất cả cán bộ, hội viên của Hiệp hội để phối hợp với Hội Cựu chiến binh các cấp tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì nội dung trích dẫn cũng được điều chỉnh thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 19. Quy định báo cáo

1. Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố và Hội Cựu chiến binh Khó 487 ở Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Quy định về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách) theo Mẫu số 05-CCB.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách) để xem xét, giải quyết./.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC MẪU BIỂU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-CCB ngày 09/11/2022
của Trung ương Hội)*

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	TÊN MẪU
1	Phụ lục 01-CCB	Đề nghị đăng tin buồn trên Báo Cựu chiến binh Việt Nam
2	Phụ lục 02-CCB	Quyết định về việc phủ Quân kỳ Quyết thắng lên linh cữu hội viên hy sinh, tử trần
3	Phụ lục 03-CCB	Danh mục trang bị của Tổ Quân kỳ
4	Phụ lục 04-CCB	Hướng dẫn động tác phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu
5	Phụ lục 05-CCB	Mẫu báo cáo hàng năm về kết quả thực hiện Quy định của Trung ương Hội về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên hy sinh, tử trần

Phụ lục 01-CCB

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI CỰU CHIẾN BINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CCB
V/v đăng tin buồn trên Báo CCB VN

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Báo Cựu chiến binh Việt Nam

Hội Cựu chiến binh tỉnh (thành phố)

đề nghị đăng tin buồn trên Báo Cựu chiến binh Việt Nam, nội dung như sau:

Hội Cựu chiến binh tỉnh (thành phố)

và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin:

Đồng chí:

Sinh năm:

Nguyên quán:

Trú quán:

Cấp bậc quân hàm, chức vụ cao nhất; cơ quan, đơn vị tham gia công tác đã qua ..

Khen thưởng (Các hình thức khen thưởng được ghi theo thứ tự)

- Danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- Huân chương, huy chương;
- Huy hiệu theo năm tuổi Đảng

Đồng chí đã từ trần hồi giờ phút, ngày tháng năm tại.....

Lễ viếng được tổ chức từ giờ phút, ngày tháng năm, đến giờ phút, ngày tháng năm, tại

Lễ truy điệu giờ phút, ngày tháng năm

Lễ an táng vào hồi giờ phút, ngày tháng năm tại

NGƯỜI CHUẨN BỊ TIN BUỒN

(Ký, ghi rõ họ và tên;
ghi số điện thoại để trao đổi nếu cần)

T/M BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

HỘI CCB HUYỆN ...
HỘI CCB XÃ (B...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CCB

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **phủ Quân kỳ Quyết thắng lên linh cữu hội viên từ trần**

BAN CHẤP HÀNH HỘI CỰU CHIẾN BINH XÃ (B...)

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh; Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh;

Căn cứ Quyết định số: 491/QĐ-CCB ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam ban hành “Quy định về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam hy sinh, từ trần”;

Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Để tưởng nhớ và ghi nhận đóng góp, công hiến của hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế; tham gia xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội; vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Xét đề nghị của Chi hội Cựu chiến binh thôn 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phủ Quân kỳ Quyết thắng của Quân đội Nhân dân Việt Nam lên linh cữu đồng chí Nguyễn Văn A, sinh năm...; nhập ngũ năm...; nghỉ hưu (phục viên, xuất ngũ) năm ...; là hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ ngày... tháng...năm..

Đang sinh hoạt tại Chi hội thôn 1, Hội Cựu chiến binh xã B, huyện Y, tỉnh X
Đồng chí đã từ trần ngày ...tháng... năm ...

Điều 2: Chi hội Cựu chiến binh thôn 1 và Tổ Quân kỳ làm nhiệm vụ phủ Quân kỳ và túc trực bên linh cữu thực hiện Quyết định này.

T/M BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn B

DANH MỤC TRANG BỊ CỦA TỔ QUÂN KỲ

Hội Cựu chiến binh tham khảo Danh mục trang bị của Tổ Quân kỳ dưới đây:

I. QUÂN KỲ QUYẾT THẮNG

1. Quân kỳ Quyết thắng

Là Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (cờ đỏ sao vàng), phía trên có dòng chữ “Quyết Thắng” màu vàng.

2. Quân kỳ Quyết thắng để phủ lên linh cữu, có 02 loại:

a) Cờ 1: Phủ trên linh cữu có kích thước: 3,0m x 2,0m

b) Cờ 2: Phủ trên hũ đựng tro cốt hoặc tiểu quách đựng tro cốt: 1,5m x 1,0m.

II. DANH MỤC TRANG PHỤC CỦA TỔ QUÂN KỲ (BỘ NGHI LỄ MÀU TRẮNG)

TT	Tên gọi trang phục	Số lượng	Ghi chú
1	Mũ Kêpi	01 cái	
2	Sao mũ	01 cái	
3	Cành tùng mũ	01 cái	
4	Bộ nghi lễ màu trắng, gồm:	01 bộ	
a)	Quần lễ phục	01 cái	
b)	Áo lễ phục	01 cái	
c)	Áo sơ mi chít gấu màu trắng	01 cái	
5	Thắt lưng	01 cái	
6	Caravat màu đen	01 cái	
7	Găng tay màu trắng	01 đôi	
8	Bít tất	01 đôi	
9	Giày đen	01 đôi	
10	Cầu vai	01 đôi	
11	Cành tùng	01 đôi	
12	Sao, gạch	01 bộ	
13	Huy hiệu Cựu chiến binh	01 cái	

HƯỚNG DẪN ĐỘNG TÁC PHỦ QUÂN KỲ VÀ TÚC TRỰC BÊN LINH CỬU

(Hội Cựu chiến binh tham khảo; được điều chỉnh cho phù hợp điều kiện buổi lễ)

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI PHỦ QUÂN KỲ

1. Thống nhất với Ban Tổ chức lễ tang và gia đình

- Điều chỉnh vị trí để linh cửu có không gian thuận lợi cho Tổ Quân kỳ thực hiện các động tác; thành phần dự Lễ quan sát được hành động của Tổ Quân kỳ.

- Vị trí để linh cửu: Đầu của quan tài về phía lễ đài (phủ Quân kỳ từ phía chân đến phía đầu của người từ trần);

- Vị trí để linh cửu và đội hình khi phủ Quân kỳ (hình số 01);

2. Xếp Quân kỳ trước khi vào làm Lễ phủ Quân kỳ

- Xếp Quân kỳ theo nếp ngang sao cho chữ Quyết thắng nằm lên trên;

- Khi phủ Quân kỳ: Chữ Quyết thắng nằm phía đầu của người từ trần;

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH LỄ PHỦ QUÂN KỲ, THU QUÂN KỲ

1. Ban Tổ chức Lễ tang

- Tuyên bố lý do: Lễ phủ Quân kỳ hội viên hy sinh, từ trần là quy định của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhằm tôn vinh, tri ân, ghi nhận sự hy sinh, cống hiến của hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế; xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Tiếp đó, giới thiệu họ và tên, chức danh người Chỉ huy Tổ Quân kỳ; mời người Chỉ huy Tổ Quân kỳ vào điều hành Lễ phủ Quân kỳ.

2. Chỉ huy Tổ Quân kỳ điều hành Tổ Quân kỳ vào vị trí

a) Khẩu lệnh của Tổ trưởng

- Lễ phủ Quân kỳ bắt đầu; Tổ Quân kỳ chú ý:

- Nghiêm - vào vị trí phủ Quân kỳ - đi đều, bước.

b) Hành động của Tổ Quân kỳ (từ vị trí chờ đợi đi đều vào vị trí để linh cửu):

Khi nghe dứt khẩu lệnh: Tổ trưởng đi trước, 2 tay nâng Quân kỳ cao ngang ngực; 04 tổ viên đi tiếp sau, thành 02 hàng dọc; Tổ Quân kỳ đi đều đến trước linh cữu cách 0,5m thì Tổ trưởng đứng lại; 04 tổ viên tiến lên, xếp 02 hàng dọc bên phải và bên trái linh cữu, phía trên Tổ trưởng.

3. Chỉ huy Tổ Quân kỳ công bố Quyết định phủ Quân kỳ

- Đọc Quyết định Phủ Quân kỳ xong;
- Sau đây, đồng chí Tổ trưởng điều hành Phủ Quân kỳ

4. Tổ trưởng điều hành động tác phủ Quân kỳ

- Tổ trưởng hô khẩu lệnh: “Tổ chú ý; chuẩn bị Quân kỳ- Bước”
- Tổ Quân kỳ nghe dứt khẩu lệnh, thực hiện các động tác: 02 đồng chí đứng trên (bên phải và bên trái Tổ trưởng) nắm 02 góc trước của Quân kỳ tiến lên phía trước linh cữu; 02 đồng chí đứng sau (bên phải và bên trái Tổ trưởng) nắm 02 góc còn lại của Quân kỳ tiến theo 02 đồng chí đi trước.

- Khi 04 đồng chí đã đứng 04 góc của hai bên linh cữu, Tổ trưởng hô khẩu lệnh “Tổ Quân kỳ bên phải, bên trái - Quay”;

- Khi 04 đồng chí đã làm xong động tác quay, đội hình đứng đối xứng nhau. Tổ trưởng hô khẩu lệnh “Nâng Quân kỳ”;

- Khi nghe dứt động lệnh 04 đồng chí nắm 04 góc Quân kỳ làm động tác nâng đều Quân kỳ lên cao ngang tầm ngực của mình;

- Tổ trưởng quan sát khi Quân kỳ đều nhau thì hô khẩu lệnh “Phủ Quân kỳ”;

- Khi nghe dứt động lệnh, các tổ viên nhẹ nhàng hạ đều Quân kỳ xuống dọc theo hai mép quan tài (lúc này chữ Quyết thắng nằm phía trước trên của linh cữu);

- Tổ trưởng hô khẩu lệnh: “Được”

5. Tổ trưởng điều hành động tác chào và túc trực bên linh cữu

- Khi nghe dứt khẩu lệnh: “Được” các tổ viên chuyển về tư thế đứng nghiêm;

- Tổ trưởng hô khẩu lệnh “Chào”;

- Khi nghe dứt động lệnh các tổ viên giơ tay làm động tác Chào

- Tổ trưởng hô khẩu lệnh “Thôi”; khi nghe dứt động lệnh các tổ viên đưa tay về tư thế đứng nghiêm. Tổ trưởng hô khẩu lệnh: “Bên phải, bên trái quay”

- Khi nghe dứt động lệnh các tổ viên làm động tác quay về tư thế đứng nghiêm, nhìn ra phía trước (làm nhiệm vụ tức trực).

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH LỄ TRUY ĐIỆU VÀ THU QUÂN KỲ

1. Ban Tổ chức lễ tang điều hành Lễ truy điệu; tuyên bố phút mặc niệm; mời đại diện gia đình phát biểu cảm ơn; tuyên bố kết thúc Lễ truy điệu;

2. Chỉ huy Tổ Quân kỳ điều hành thu Quân kỳ

- Tổ trưởng hô Khẩu lệnh: “Tổ chú ý- thu Quân kỳ”

- Khi nghe dứt động lệnh, 02 đồng chí đứng phía trên tiến hành thu Quân kỳ lại (gấp Quân kỳ theo nếp gấp ngang dọc theo 02 bên linh cữu);

- Sau đó 04 đồng chí tổ viên kết hợp nâng Quân kỳ đã xếp trao cho Tổ trưởng, đặt trên hai cánh tay dưới.

- Tổ trưởng hô Khẩu lệnh: “Tổ Quân kỳ bên phải, bên trái quay - đi đều bước - đứng lại - đứng” (Kết thúc nghi thức thu Quân kỳ).

3. Tổ trưởng điều hành Tổ Quân kỳ tham gia chuyển linh cữu ra xe tang.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy định của Trung ương Hội

Về việc tham gia tổ chức lễ tang hội viên hy sinh, từ trần

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CCB ngày 09/11 /2022 của Trung ương Hội)

Tên Hội CCB tỉnh, thành phố:.....

Họ và tên người lập báo cáo:

Số điện thoại bàn:di động.....

Email:

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Kết quả thành lập Tổ Quân kỳ

Toàn tỉnh, thành phố đã thành lập Tổ Quân kỳ. Trong đó:

a) Do Hội CCB cấp xã, phường thành lập: tổ;

b) Do Chi hội CCB thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố thành lập:tổ;

2. Kết quả bảo đảm Quân kỳ, trang phục của Tổ Quân kỳ

a) Tổ Quân kỳ sử dụng bộ nghi lễ màu trắng: bộ;

b) Tổ Quân kỳ sử dụng bộ tiêu lễ phục của SQ theo mùa: bộ;

c) Đang sử dụng bộ quân phục thường dùng của SQ theo mùa: bộ;

d) Số Tổ Quân kỳ chưa có được trang bị trang phục:Tổ;

3. Số hội viên của Hội Cựu chiến binh tỉnh (thành phố) đã hy sinh, từ trần trong năm 202..... là:..... người¹. Trong đó:

¹ Số liệu báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm (năm trước).

Gửi về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách) trước ngày 30/03 hàng năm.

- a) Lễ tang do đơn vị Quân đội chủ trì: người;
- b) Lễ tang do cấp tỉnh, thành phố chủ trì: người;
- c) Lễ tang do cấp huyện, quận chủ trì: người;
- d) Lễ tang do cấp xã, phường chủ trì: người;
- đ) Lễ tang do thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố chủ trì: người;

4. Phản ảnh vướng mắc, kiến nghị (nếu có).

.....
.....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ, tên)

.....ngày tháng năm 202...

TM. BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

PHẦN II

**QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC
VÀ BỘ QUỐC PHÒNG VỀ TỔ CHỨC LỄ TANG
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
VÀ QUÂN NHÂN**

Số: 105/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định việc tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc hoặc nghỉ hưu khi từ trần (sau đây gọi chung là người từ trần).

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức lễ tang

1. Việc tổ chức lễ tang đối với người từ trần, thể hiện sự trân trọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân, cơ quan, đơn vị đối với công lao, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình làm việc, hoạt động cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Việc tổ chức lễ tang đối với người từ trần phải trang trọng, văn minh, kế thừa nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, tiết kiệm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, của từng vùng; hạn chế, từng bước loại bỏ những tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, phô trương, lãng phí. Khuyến khích tổ chức an táng theo các hình thức hỏa táng, điện táng, an táng tại quê hương.

Điều 3. Hình thức lễ tang

1. Lễ Quốc tang.
2. Lễ tang cấp Nhà nước.

3. Lễ tang cấp cao.
4. Lễ tang Cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Một số quy định khác

Chương II LỄ QUỐC TANG

- Điều 5. Chức danh được tổ chức Lễ Quốc tang
- Điều 6. Thông báo về Lễ Quốc tang
- Điều 7. Ban Lễ tang Nhà nước và Ban Tổ chức Lễ tang
- Điều 8. Các văn bản về Lễ Quốc tang
- Điều 9. Đưa tin, đăng tin trên các phương tiện thông tin về Lễ Quốc tang
- Điều 10. Thời gian, nghi thức để tang
- Điều 11. Nơi tổ chức Lễ Quốc tang và nơi an táng
- Điều 12. Trang trí lễ đài và túc trực bên linh cửu
- Điều 13. Vòng hoa trong Lễ viếng
- Điều 14. Lễ viếng
- Điều 15. Tổ chức Lễ viếng ở nước ngoài
- Điều 16. Lễ truy điệu
- Điều 17. Lễ đưa tang
- Điều 18. Lực lượng và phương tiện phục vụ Lễ tang
- Điều 19. Lễ hạ huyệt
- Điều 20. Xây mộ và chi phí

Chương III LỄ TANG CẤP NHÀ NƯỚC

- Điều 21. Chức danh được tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước
- Điều 22. Đứng tên đưa tin buồn

- Điều 23. Ban Lễ tang Nhà nước và Ban Tổ chức Lễ tang
- Điều 24. Các văn bản về Lễ tang cấp Nhà nước
- Điều 25. Đưa tin, đăng tin trên các phương tiện thông tin về Lễ tang cấp Nhà nước
- Điều 26. Nơi tổ chức Lễ tang và nơi an táng
- Điều 27. Trang trí lễ đài và túc trực bên linh cữu
- Điều 28. Vòng hoa viếng
- Điều 29. Lễ viếng
- Điều 30. Tổ chức cho các đoàn nước ngoài đến viếng
- Điều 31. Lễ truy điệu, Lễ đưa tang và Lễ hạ huyệt
- Điều 32. Lực lượng và phương tiện phục vụ Lễ đưa tang
- Điều 33. Xây mộ và chi phí

Chương IV

LỄ TANG CẤP CAO

- Điều 34. Chức danh được tổ chức Lễ tang cấp cao
- Điều 35. Đúng tên đưa tin buồn
- Điều 36. Ban Tổ chức Lễ tang
- Điều 37. Tổ chức Lễ tang và chuẩn bị lời điếu
- Điều 38. Nơi tổ chức Lễ tang
- Điều 39. Nơi an táng
- Điều 40. Trang trí lễ đài và túc trực bên linh cữu
- Điều 41. Vòng hoa viếng
- Điều 42. Lễ viếng
- Điều 43. Lễ truy điệu
- Điều 44. Lễ đưa tang và xe tang
- Điều 45. Lễ hạ huyệt
- Điều 46. Xây mộ và chi phí

Chương V

LỄ TANG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 47. Chức danh được tổ chức Lễ tang cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc hoặc nghỉ hưu khi từ trần được tổ chức Lễ tang cán bộ, công chức, viên chức (trừ các chức danh được tổ chức Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao).

2. Đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, Lễ tang không tổ chức theo hình thức Lễ tang cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 48. Đưa tin buồn

1. Cơ quan đã hoặc đang trực tiếp quản lý người từ trần; cấp ủy, chính quyền địa phương quê hương hoặc nơi cư trú của người từ trần đứng tên để thông báo về Lễ tang trên các báo, đài tại địa phương nơi người từ trần đang công tác hoặc nghỉ hưu.

2. Đối với các trường hợp sau đây, việc đưa tin buồn được thực hiện trên trang 8 báo Nhân dân:

a) Cán bộ hoạt động cách mạng từ trước Tháng 8 năm 1945 đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền công nhận;

b) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, người được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật và Khoa học - công nghệ, Đảng viên được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng trở lên.

Điều 49. Ban Tổ chức Lễ tang

1. Đối với người từ trần đang công tác:

a) Ban Tổ chức Lễ tang do cơ quan đang trực tiếp quản lý người từ trần quyết định, gồm các thành viên đại diện cho đơn vị, đoàn thể trong cơ quan nơi người từ trần đang công tác, đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương nơi người từ trần sinh sống;

b) Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là lãnh đạo đơn vị, tổ chức, cơ quan đang trực tiếp quản lý người từ trần.

2. Đối với người từ trần đã nghỉ hưu:

Các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định này và các cán bộ, công chức đã giữ các chức vụ từ cấp Cục, Vụ, Sở và tương đương trở lên và cán bộ, công chức, viên chức:

a) Ban Tổ chức Lễ tang do cấp ủy Đảng, tổ chức chính trị - xã hội địa phương, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn, khu phố) nơi người từ trần nghỉ hưu và cư trú phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang quản lý người từ trần trước khi nghỉ hưu quyết định, gồm các thành viên đại diện cho các đoàn thể, chính quyền địa phương, đại diện gia đình và đại diện cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang đã quản lý người từ trần trước khi nghỉ hưu;

b) Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là người đứng đầu cấp ủy Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn, khu phố) nơi người từ trần nghỉ hưu và cư trú.

Điều 50. Lời điếu

Việc chuẩn bị lời điếu do cơ quan chủ quản nơi người từ trần công tác hoặc cấp ủy, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn, khu phố) nơi người từ trần nghỉ hưu cư trú cùng gia đình tiến hành.

Điều 51. Nơi tổ chức Lễ tang và nơi an táng

1. Căn cứ điều kiện của từng cơ quan, tổ chức, địa phương và nguyện vọng của gia đình người từ trần mà tổ chức Lễ tang tại nhà tang lễ hoặc tại gia đình.

2. An táng tại nghĩa trang địa phương, nghĩa trang khác hoặc hỏa táng, điện táng theo nguyện vọng của gia đình.

Điều 52. Trang trí lễ đài

1. Lễ đài trang trí phong nền đen, trên đó gắn ảnh người từ trần và dòng chữ trắng “Vô cùng thương tiếc...”.

2. Bàn thờ đặt trước và chính giữa phong, hai bên bàn thờ đặt cố định 02 (hai) vòng hoa của cơ quan và gia đình, dưới lễ đài có lư hương.

3. Linh cữu đặt chính giữa, đầu hướng về Lễ đài.

4. Bàn thờ nhỏ đặt phía dưới, có bát hương để viếng.

5. Gia đình đứng phía bên trái phòng lễ tang (theo hướng nhìn lên lễ đài).

Điều 53. Vòng hoa viếng

1. Ban Tổ chức Lễ tang chuẩn bị 02 (hai) vòng hoa của cơ quan chủ quản và gia đình đặt cố định hai bên bàn thờ.

2. Ban Tổ chức Lễ tang chuẩn bị 05 (năm) vòng hoa luân chuyển; trong thông báo tin buồn có ghi: Các đoàn đến viếng không mang vòng hoa, chỉ mang băng vải đen, kích thước 1,2 m x 0,2 m, với dòng chữ trắng “Kính viếng” dưới có dòng chữ nhỏ ghi tên cơ quan, tổ chức để gắn vào vòng hoa do Ban Tổ chức Lễ tang chuẩn bị.

Điều 54. Lễ viếng

1. Tùy theo điều kiện tại nhà tang lễ hoặc tại gia đình để có hình thức tổ chức Lễ tang phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương, tôn giáo và hoàn cảnh gia đình của người từ trần.

2. Trong thời gian tổ chức Lễ viếng tại gia đình không cử nhạc tang trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh bảo đảm không vượt quá độ ồn cho phép theo quy định; không sử dụng các nhạc khúc không phù hợp trong lễ tang.

Điều 55. Lễ truy điệu, Lễ đưa tang, Lễ hạ huyệt

Lễ truy điệu, Lễ đưa tang và Lễ hạ huyệt thực hiện theo quy định tại Điều 43, Điều 44 và Điều 45 Nghị định này.

Điều 56. Trợ cấp mai táng

Trợ cấp mai táng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức Lễ tang đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Bộ Quốc phòng quy định về đơn vị danh dự, sĩ quan túc trực, quân nhạc, đội chiến sĩ khiêng vòng hoa, đội xe nghi thức đưa tang, đội hình xe khi đưa tang tại Lễ Quốc tang và Lễ tang cấp Nhà nước.

4. Bộ Công an quy định về công tác bảo vệ an ninh, an toàn giao thông tại Lễ Quốc tang và Lễ tang cấp Nhà nước.

5. Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí cụ thể và thực hiện việc cấp ngân sách, quyết toán ngân sách phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao.

6. Bộ Xây dựng chủ trì và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quy hoạch nhà tang lễ, nhà điện táng, quy hoạch nghĩa trang tại các thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp và khu dân cư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

7. Bộ Y tế xây dựng quy định hướng dẫn về vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng, điện táng.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch và đầu tư kinh phí xây dựng nghĩa trang, quy định cụ thể việc xây mộ cho phù hợp với quỹ đất, phong tục, tập quán của địa phương mình và khuyến khích, vận động việc hỏa táng, điện táng và thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc tang tại địa phương.

Điều 58. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về tổ chức Lễ tang theo quy định tại Nghị định này thì tùy theo mức độ vi phạm bị phê bình hoặc xử phạt hành chính.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 và thay thế Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần.

Điều 60. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

THÔNG TƯ

Quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư Quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý hy sinh, tử trận; tham gia tổ chức lễ tang đối với các đối tượng nêu trên nghỉ hưu tử trận; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức lễ tang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Người đang công tác hy sinh, tử trận, gồm:

- Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng;

- Người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý;
- Quân nhân dự bị động viên trong thời gian tập trung huấn luyện, làm nhiệm vụ quân sự quốc phòng, an ninh.

b) Các đối tượng tại Điểm a nêu trên nghỉ hưu từ trần.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này chết do tự thương, tự sát hoặc do vi phạm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội với hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức lễ tang

1. Tổ chức lễ tang đối với người hy sinh, từ trần thể hiện sự tri ân, trân trọng, ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Quân đội đối với công lao, cống hiến của họ trong quá trình công tác, hoạt động cách mạng, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tổ chức lễ tang phải trang trọng, văn minh, kế thừa nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kinh tế; từng bước loại bỏ những tập quán lạc hậu; tránh phô trương, lãng phí. Khuyến khích tổ chức lễ tang theo các hình thức hỏa táng, điện táng, an táng tại quê hương.

Điều 4. Hình thức, nghi thức tổ chức lễ tang trong Quân đội

1. Hình thức tổ chức lễ tang, gồm:

- a) Lễ tang cấp Nhà nước;
- b) Lễ tang Cấp cao;
- c) Lễ tang quân nhân có cấp bậc từ Đại tá trở xuống;
- d) Lễ tang công nhân, viên chức quốc phòng.

2. Nghi thức tổ chức lễ tang

a) Nghi thức tổ chức lễ tang, gồm: Trình tự tổ chức lễ tang, tổ chức lực lượng và phương tiện phục vụ lễ tang theo quy định tại Thông tư này.

b) Nghi thức tổ chức lễ tang trong Quân đội được thực hiện đối với:

- Người hy sinh, từ trần quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này tổ chức lễ tang tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội hoặc tại cơ quan, đơn vị;

- Sĩ quan cấp Tướng (kể cả nghỉ hưu) hy sinh, từ trần tổ chức lễ tang tại gia đình, được vận dụng theo nghi thức tổ chức lễ tang trong Quân đội;

- Người hy sinh, tử trần có cấp hàm từ Đại tá trở xuống khi tổ chức lễ tang tại gia đình không thực hiện nghi thức lễ tang trong Quân đội.

Điều 5. Quy định về trang phục trong lễ tang do Quân đội chủ trì

1. Đối với quân nhân hy sinh, tử trần

Trang phục khi khâm liệm đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp mặc Tiểu lễ phục mùa đông, không đội mũ; hạ sĩ quan, binh sĩ mặc quân phục dự lễ theo Điều lệnh Quản lý bộ đội; công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân nghỉ hưu theo nguyện vọng của thân nhân người tử trần.

2. Đối với Ban Lễ tang, Ban Tổ chức Lễ tang

a) Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tham gia thành viên Ban Lễ tang, Ban Tổ chức Lễ tang mặc Tiểu lễ phục mùa đông, đội mũ;

b) Các hình thức lễ tang khác: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tham gia thành viên Ban Tổ chức Lễ tang, mặc Tiểu lễ phục theo mùa, đội mũ;

c) Đại diện cơ quan, đơn vị ngoài Quân đội tham gia thành viên Ban Lễ tang, Ban Tổ chức Lễ tang mặc trang phục lịch sự, nghiêm túc.

3. Đối với đoàn viếng

a) Khi viếng Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp mặc Tiểu lễ phục mùa đông, đội mũ; hạ sĩ quan, binh sĩ mặc quân phục dự lễ, đội mũ;

b) Khi viếng Lễ tang Cấp cao: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp mặc Tiểu lễ phục theo mùa, đội mũ;

c) Các hình thức lễ tang khác: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp; hạ sĩ quan, binh sĩ mặc quân phục thường dùng theo mùa, đội mũ.

Điều 6. Một số quy định khác

1. Người hy sinh, tử trần trong thời gian đi học tập trong nước, do nhà trường nơi học tập chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý tổ chức lễ tang.

2. Người hy sinh, tử trần khi biệt phái sang các cơ quan Đảng, Nhà nước, do đơn vị quản lý trước khi đi biệt phái chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị nơi làm nhiệm vụ biệt phái tổ chức lễ tang.

3. Người hy sinh, tử trần khi đi làm nhiệm vụ quốc tế, đi học, đi công tác, đi chữa bệnh ở nước ngoài, do đơn vị quản lý phối hợp với Cục Đối ngoại/Bộ Quốc phòng, Đại sứ quán hoặc cơ quan ngoại giao ở nước sở tại để tổ chức lễ tang.

4. Người hy sinh, từ trần trên đường đi công tác hoặc nghỉ tại gia đình, do đơn vị quản lý chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự địa phương tổ chức lễ tang theo phân cấp quy định tại Điều 17 Thông tư này. Trường hợp đơn vị ở xa từ 100 km trở lên (tính theo đường quốc lộ, tỉnh lộ) thì cơ quan quân sự địa phương nơi người hy sinh, từ trần chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý tổ chức lễ tang.

5. Người hy sinh trong chiến tranh, nếu không có điều kiện tổ chức lễ tang theo quy định tại Thông tư này thì thực hiện báo tử và tổ chức Lễ truy điệu tại địa phương.

6. Trường hợp nhiều người hy sinh trong khi làm nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; người hy sinh có hành động dũng cảm, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương quyết định hình thức lễ tang cao hơn nhằm tuyên truyền, giáo dục, nêu gương.

7. Quân nhân nghỉ hưu từ trần, tổ chức lễ tang tại nhà tang lễ các bệnh viện Quân đội do đơn vị Quân đội chủ trì tổ chức theo nghi thức lễ tang trong Quân đội.

8. Các quy định Lễ đưa tang, Lễ an táng; thời gian tổ chức lễ tang; quy cách quan tài; băng tang; quy định rước vàng mã thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2012/NĐ-CP).

Chương II

LỄ TANG CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 7. Chức danh, cấp hàm được tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước

Cán bộ Quân đội đương chức hoặc thôi giữ chức thuộc một trong các chức vụ, cấp bậc quân hàm sau đây hy sinh, từ trần được tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước, gồm:

1. Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
2. Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội;
3. Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam;

4. Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam là cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945.

Điều 8. Tổ chức Lễ tang

1. Ban Lễ tang; Ban Tổ chức Lễ tang; đứng tên đưa tin buồn; đưa tin, đăng tin; nơi tổ chức Lễ tang và nơi an táng; trang trí lễ đài; vòng hoa; Lễ viếng; tổ chức

các đoàn nước ngoài đến viếng; Lễ truy điệu; Lễ đưa tang; Lễ hạ huyệt; lực lượng và phương tiện phục vụ Lễ tang; xây vỏ mộ và chi phí thực hiện theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 và Điều 33 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP.

2. Tổng cục Chính trị phối hợp với các Ban của Đảng chuẩn bị các văn bản báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng theo quy định; chủ trì xây dựng kế hoạch, giúp Trưởng Ban Lễ tang, Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang thông báo, triệu tập các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch; theo dõi, điều hành trong quá trình tổ chức Lễ tang.

3. Sĩ quan đứng túc trực bên linh cữu trong thời gian có các đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng đến viếng và trong thời gian Lễ truy điệu là 04 (bốn) sĩ quan cấp Tướng và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh. Thời gian còn lại của Lễ viếng là 04 (bốn) sĩ quan cấp Đại tá và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh.

Chương III

LỄ TANG CẤP CAO

Điều 9. Chức danh, cấp bậc quân hàm được tổ chức Lễ tang Cấp cao

Cán bộ Quân đội đương chức, thôi giữ chức hoặc nghỉ hưu thuộc một trong các chức vụ, cấp bậc quân hàm sau đây hy sinh, từ trần được tổ chức Lễ tang Cấp cao (nếu không thuộc diện Lễ tang cấp Nhà nước), gồm:

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Tổng Tham mưu trưởng; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Thượng tướng, Đô đốc Hải quân;

2. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (kể cả Ủy viên dự khuyết), Ủy viên Quân ủy Trung ương;

3. Phó Tổng Tham mưu trưởng; Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

4. Chủ nhiệm, Chính ủy, Phó Chủ nhiệm, Phó Chính ủy các Tổng cục; Tổng cục trưởng, Chính ủy, Phó Tổng cục trưởng, Phó Chính ủy Tổng cục II;

5. Tư lệnh, Chính ủy, Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng;

6. Giám đốc, Chính ủy, Phó Giám đốc, Phó Chính ủy Học viện Quốc phòng;

7. Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân;

8. Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ Lão thành cách mạng), cán bộ hoạt động ở miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ (1954 - 1975) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu (được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh - giải thưởng cá nhân) và được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; các nhà hoạt động xã hội, văn hoá, khoa học tiêu biểu (được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh - giải thưởng cá nhân) là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động.

Điều 10. Phân cấp chủ trì tổ chức Lễ tang

1. Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức Lễ tang đối với các chức danh quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư này; Tổng cục Chính trị chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức Lễ tang.

2. Đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương chủ trì tổ chức Lễ tang đối với các chức danh quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 9 Thông tư này; cơ quan chính trị các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức Lễ tang.

3. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét quyết định.

Điều 11. Ban Tổ chức Lễ tang

1. Lễ tang do Bộ Quốc phòng chủ trì

a) Ban Tổ chức Lễ tang có từ 10 (mười) đến 15 (mười lăm) thành viên, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập, gồm: Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục, cơ quan, đơn vị, quê hương hoặc nơi cư trú và đại diện gia đình người hy sinh, tử trận.

Tùy theo chức danh của người hy sinh, tử trận, Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là Bộ trưởng hoặc Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc một Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương.

b) Ban Tổ chức Lễ tang có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành các cơ quan là thành viên Ban Tổ chức Lễ tang thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

c) Ban Tổ chức Lễ tang quyết định thành lập bộ phận giúp việc, gồm đại diện các cơ quan thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục, cơ quan, đơn vị, quê hương hoặc nơi cư trú và đại diện gia đình của người hy sinh, tử trận, có nhiệm vụ giúp Ban Tổ chức Lễ tang làm công tác phục vụ Lễ tang.

2. Lễ tang do đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương chủ trì

a) Ban Tổ chức Lễ tang có từ 10 (mười) đến 15 (mười lăm) thành viên, do Thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang quyết định, gồm các cơ quan chức năng, đơn vị, quê hương hoặc nơi cư trú và gia đình người hy sinh, từ trần; Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là một đồng chí Thủ trưởng đơn vị;

b) Người hy sinh, từ trần là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là đồng chí Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương.

Điều 12. Đứng tên và đưa tin buồn

1. Danh nghĩa đưa tin buồn

Căn cứ chức vụ của người hy sinh, từ trần, việc đưa tin buồn thực hiện dưới danh nghĩa của tất cả hoặc một số cơ quan, đơn vị, địa phương và gia đình:

a) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng (trong trường hợp người hy sinh, từ trần là Ủy viên hoặc Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Quân ủy Trung ương);

b) Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trong trường hợp người hy sinh, từ trần là đại biểu Quốc hội);

c) Bộ Quốc phòng; đơn vị đã hoặc đang trực tiếp quản lý người hy sinh, từ trần;

d) Cấp uỷ, chính quyền, cơ quan quân sự, ban, ngành đoàn thể địa phương nơi sinh quán hoặc nơi cư trú.

2. Quy định việc đưa tin buồn trên các báo, đài

a) Việc đưa tin buồn trên các báo, đài thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP;

b) Báo Quân đội nhân dân đăng trên trang nhất; Kênh Truyền hình Quốc phòng Việt Nam phát trong chương trình thời sự buổi tối:

- Đối với người hy sinh, từ trần quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 9 Thông tư này: Tin buồn, kèm theo ảnh (4 cm x 6 cm), tóm tắt tiểu sử; tuyên truyền về thân thế, sự nghiệp, quá trình cống hiến của người hy sinh, từ trần, chiếu phim phóng sự (nếu có);

- Đối với người hy sinh, từ trần quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 9 Thông tư này: Tin buồn, kèm theo ảnh (4 cm x 6 cm), tóm tắt tiểu sử; tuyên truyền về quá trình cống hiến của người hy sinh, từ trần.

3. Chuẩn bị tin buồn, tóm tắt tiểu sử, lời điếu; thẩm định nội dung

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức Lễ tang chuẩn bị tóm tắt tiểu sử, tin buồn, lời điếu; xin ý kiến của gia đình người hy sinh, từ trần trước khi thông qua Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang;

b) Thẩm định nội dung tin buồn: Người đang công tác hy sinh, từ trần do cơ quan quản lý nhân sự (Cục Cán bộ, Cục Quân lực) thẩm định; người đã nghỉ hưu từ trần do Cục Chính sách thẩm định;

Cơ quan thẩm định nội dung có trách nhiệm chuyển đến các báo, đài theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Trang trí lễ đài tổ chức Lễ tang

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP và một số nội dung sau:

1. Ảnh của người hy sinh, từ trần để trong khung kích thước 30 cm x 40 cm, có dải băng đen nhỏ vắt chéo góc trên bên trái khung ảnh nhìn từ dưới lên;

2. Giá Huân chương, Huy chương bảo đảm đầy đủ các hình thức được khen thưởng của người hy sinh, từ trần;

3. Linh cữu được phủ Quân kỳ.

Điều 14. Lực lượng phục vụ Lễ tang

1. Lễ tang do Bộ Quốc phòng chủ trì

a) Sĩ quan đứng túc trực bên linh cữu trong thời gian có các đoàn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng đến viếng và trong thời gian Lễ truy điệu là 02 (hai) sĩ quan cấp Tướng, 02 (hai) sĩ quan cấp Đại tá và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh. Thời gian còn lại của Lễ viếng là 04 (bốn) sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh;

Sĩ quan cấp Tướng túc trực bên linh cữu do Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang phân công cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện;

b) Đơn vị danh dự gồm: 01 (một) chỉ huy, 01 (một) tổ Quân kỳ, đại diện 3 (ba) lực lượng Lục quân, Hải quân và Không quân. Mỗi khối 20 (hai mươi) chiến sĩ, 01 (một) đồng chí khối trưởng.

2. Lễ tang do đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương chủ trì

a) Sĩ quan túc trực bên linh cữu là 04 (bốn) sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh. Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang phân công cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.

b) Đơn vị danh dự, gồm: 24 (hai bốn) chiến sĩ, 01 (một) sĩ quan chỉ huy và 01 (một) tổ Quân kỳ; người hy sinh, tử trần thuộc quân chủng nào thì đơn vị danh dự mặc lễ phục của quân chủng đó.

3. Đơn vị danh dự, sĩ quan, chiến sĩ tiêu binh túc trực bên linh cữu

a) Lễ tang tổ chức tại Nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên địa bàn thành phố Hà Nội, do Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện; tổ chức tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội, do đơn vị chủ trì thống nhất với Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện.

b) Lễ tang tổ chức tại Nhà tang lễ các bệnh viện Quân đội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do Quân khu 7 thực hiện; tổ chức tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đơn vị chủ trì thống nhất với Quân khu 7 thực hiện.

Điều 15. Phương tiện phục vụ Lễ tang

1. Phương tiện phục vụ Lễ tang, gồm: 01 (một) xe chỉ huy; 01 (một) xe Quân kỳ, ảnh, giá Huân chương; 01 (một) xe đơn vị danh dự (nếu đơn vị danh dự 03 lực lượng thì sử dụng 03 xe); 01 (một) xe chở hoa; 01 (một) xe kéo linh cữu (xe linh xa) hoặc xe chở linh cữu; từ 03 (ba) đến 04 (bốn) xe chở người đi đưa tang; 02 (hai) xe Ban Tổ chức Lễ tang.

Sử dụng xe kéo linh cữu đối với các chức danh, cấp bậc quân hàm quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 9 Thông tư này hy sinh, tử trần tổ chức an táng, hỏa táng, điện táng trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; sử dụng xe chở linh cữu đối với các chức danh, cấp bậc quân hàm còn lại quy định tại Điều 9 Thông tư này hy sinh, tử trần. Trường hợp đặc biệt, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Trường hợp Lễ tang do Bộ Quốc phòng chủ trì có 02 (hai) xe thông tin, 01 (một) xe cứu thương, 01 (một) xe dự phòng; đồng thời, bố trí xe dẫn đường hoặc phối hợp với Công an địa phương bố trí xe cảnh sát dẫn đường.

2. Xe Quân kỳ, xe đơn vị danh dự, xe chở linh cữu hoặc xe linh xa, xe chở hoa (gọi là xe nghi lễ) quy định như sau:

a) Lễ tang tổ chức tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên địa bàn thành phố Hà Nội, xe nghi lễ do Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện; ở cơ quan, đơn vị trên địa

bàn thành phố Hà Nội, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thống nhất với Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện;

b) Lễ tang tổ chức tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, xe nghi lễ do Quân khu 7 thực hiện; ở cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang phối hợp, thống nhất với Quân khu 7 thực hiện;

c) Ngoài địa bàn quy định tại Điểm a, b Khoản này, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang phối hợp với quân khu sở tại thực hiện.

3. Xe phục vụ Ban Tổ chức Lễ tang, xe phục vụ gia đình, xe chở người đi đưa tang, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thực hiện.

Điều 16. Các nội dung khác

1. Quân nhạc phục vụ lễ viếng, lễ truy điệu, lễ an táng thực hiện theo quy định tại các Điều 42, 43 và Điều 45 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP.

2. Nơi tổ chức Lễ tang; nơi an táng; trang trí lễ đài; vòng hoa, Lễ viếng, Lễ truy điệu; Lễ đưa tang; Lễ hạ huyệt; xây vỏ mộ và chi phí thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 và Điều 46 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này. Trường hợp đặc biệt, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

3. Lễ tang sĩ quan cấp Tướng từ trần tổ chức theo nghi thức Quân đội tại gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu quyết định điều động lực lượng, phương tiện phục vụ; ở địa bàn khác do Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương quyết định điều động lực lượng, phương tiện phục vụ.

Chương IV

LỄ TANG ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN CÓ CẤP BẠC TỪ ĐẠI TÁ TRỞ XUỐNG VÀ CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG ĐANG CÔNG TÁC

Mục 1

LỄ TANG ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN CÓ CẤP QUÂN HÀM TỪ ĐẠI TÁ TRỞ XUỐNG

Điều 17. Phân cấp tổ chức Lễ tang

1. Đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương chủ trì tổ chức Lễ tang đối với quân nhân hy sinh, từ trần giữ chức vụ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Đơn vị cấp sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Tư lệnh Vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, cấp cục, vụ, viện và tương đương chủ trì tổ chức Lễ tang đối với quân nhân hy sinh, từ trần cấp bậc Đại tá hoặc sĩ quan, cán bộ đương chức, nguyên giữ chức chỉ huy cấp mình.

3. Lữ đoàn, trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương chủ trì tổ chức Lễ tang đối với quân nhân hy sinh, từ trần cấp Thượng tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy lữ đoàn, trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương; chủ trì hoặc xem xét, quyết định phân cấp tổ chức Lễ tang đối với quân nhân hưởng lương còn lại.

4. Tiểu đoàn và tương đương chủ trì tổ chức Lễ tang đối với hạ sĩ quan, binh sĩ.

Điều 18. Tổ chức Lễ tang đối với các đối tượng khác

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động (không thuộc chức danh tổ chức Lễ tang Cấp cao), Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Đại biểu Quốc có quân hàm từ Trung tá trở xuống hy sinh, từ trần, được tổ chức Lễ tang như đối với sĩ quan cấp Thượng tá.

2. Người hy sinh, từ trần có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc quân hàm tương đương với cấp nào thì tổ chức Lễ tang như quân nhân có chức vụ, quân hàm tương ứng.

3. Quân nhân dự bị động viên trong thời gian tập trung huấn luyện, làm nhiệm vụ quân sự quốc phòng hy sinh, từ trần được tổ chức Lễ tang như đối với quân nhân có cùng cấp bậc, chức vụ đang công tác.

Điều 19. Ban Tổ chức Lễ tang

Ban Tổ chức Lễ tang, có từ 07 (bảy) đến 10 (mười) thành viên, do Thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang quyết định; Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang là Thủ trưởng đơn vị quản lý người hy sinh, từ trần, có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành toàn bộ công tác tổ chức Lễ tang.

Điều 20. Chuẩn bị tin buồn, lời điếu, đưa tin, đăng tin buồn trên các phương tiện thông tin về Lễ tang

1. Chuẩn bị tin buồn, lời điếu

a) Cơ quan chính trị đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang chuẩn bị tin buồn, lời điếu, có tham khảo ý kiến của gia đình trước khi thông qua Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang.

b) Cục Cán bộ, Cục Quân lực thẩm định nội dung tin buồn và chuyển đến các báo, đài theo phân cấp quản lý.

2. Đưa tin, đăng tin buồn

a) Đưa tin, đăng tin buồn trên trang 8 Báo Nhân dân: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, người được Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật và Khoa học công nghệ, đảng viên được tặng thưởng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng trở lên.

b) Đưa tin, đăng tin buồn trên Báo Quân đội nhân dân: Sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá hoặc giữ chức chỉ huy cấp sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và tương đương; cán bộ Quân đội thuộc diện tại Điểm a nêu trên.

Điều 21. Lực lượng phục vụ Lễ tang; nhạc trong Lễ tang

1. Sĩ quan, chiến sĩ tiêu binh túc trực bên linh cữu

a) Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Đại tá, Thượng tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên: 02 (hai) sĩ quan cấp Tá và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh túc trực bên linh cữu.

b) Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Trung tá, Thiếu tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương: 02 (hai) sĩ quan cấp Úy và 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh túc trực bên linh cữu.

c) Quân nhân hy sinh, từ trần cấp Úy trở xuống hy sinh, từ trần: 04 (bốn) chiến sĩ tiêu binh túc trực bên linh cữu.

2. Đơn vị danh dự

a) Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Đại tá, Thượng tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên: Đơn vị danh dự gồm 20 (hai mươi) chiến sĩ, 01 (một) sĩ quan chỉ huy và 01 (một) tổ Quân kỳ.

b) Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Trung tá, Thiếu tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương: Đơn vị danh dự gồm 16 (mười sáu) chiến sĩ, 01 (một) sĩ quan chỉ huy và 01 (một) tổ Quân kỳ.

c) Quân nhân hy sinh, từ trần là cấp Úy: Đơn vị danh dự gồm 12 (mười hai) chiến sĩ, 01 (một) sĩ quan chỉ huy và 01 (một) tổ Quân kỳ.

d) Quân nhân hy sinh, từ trần là hạ sĩ quan, binh sĩ: Đơn vị danh dự gồm 08 (tám) chiến sĩ, 01 (một) sĩ quan chỉ huy.

3. Phân cấp sử dụng lực lượng phục vụ Lễ tang

a) Lễ tang tổ chức tại các Nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên địa bàn thành phố Hà Nội, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thống nhất với Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện;

b) Lễ tang tổ chức tại các Nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thống nhất với Quân khu 7 thực hiện;

c) Lễ tang tổ chức ngoài địa bàn nêu trên, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thực hiện.

4. Nhạc trong Lễ tang: Sử dụng băng nhạc buồn, bài "Hồn tử sĩ" và Hành khúc tang lễ.

Điều 22. Phương tiện phục vụ Lễ tang

1. Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Đại tá, Thượng tá hoặc giữ chức vụ chỉ huy cấp Trung đoàn và tương đương trở lên (trừ các chức danh thuộc tổ chức Lễ tang Cấp cao) được sử dụng từ 09 (chín) đến 10 (mười) xe phục vụ, gồm: 01 (một) xe Quân kỳ; 01 (một) xe đội danh dự; 01 (một) xe chở hoa; 01 (một) xe chở linh cữu; 03 (ba) đến 04 (bốn) xe chở người đi đưa tang; 02 (hai) xe Ban Tổ chức Lễ tang.

2. Quân nhân hy sinh, từ trần có cấp bậc Trung tá, Thiếu tá hoặc có chức vụ chỉ huy cấp Tiểu đoàn và tương đương, được sử dụng từ 07 (bảy) đến 08 (tám) xe phục vụ, gồm: 01 (một) xe Quân kỳ; 01 (một) xe đội danh dự; 01 (một) xe hoa; 01 xe chở linh cữu; 01 (một) đến 02 (hai) xe chở người đi đưa tang; 02 (hai) xe Ban Tổ chức Lễ tang.

3. Quân nhân hy sinh, từ trần cấp Úy trở xuống được sử dụng từ 05 (năm) đến 06 (sáu) xe phục vụ, gồm: 01 (một) xe Ban Tổ chức Lễ tang; 01 (một) xe đội danh dự; 01 (một) xe hoa; 01 (một) xe chở linh cữu; 01 (một) đến 02 (hai) xe chở gia đình và đồng đội đưa tang.

4. Phân cấp sử dụng phương tiện phục vụ Lễ tang

a) Lễ tang tổ chức tại các nhà tang lễ trên địa bàn thành phố Hà Nội, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thống nhất với Đoàn Nghi lễ Quân đội thực hiện;

b) Lễ tang tổ chức tại các nhà tang lễ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thống nhất với Quân khu 7 thực hiện;

c) Lễ tang tổ chức ngoài địa bàn nêu trên, xe phục vụ Lễ tang, do đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang thực hiện.

Điều 23. Các nội dung khác

Nơi tổ chức Lễ tang; nơi an táng; trang trí lễ đài; vòng hoa viếng; Lễ viếng; Lễ truy điệu; Lễ đưa tang; Lễ hạ huyệt thực hiện theo quy định tại các Điều 51, 52, 53, 54, Điều 55 Nghị định số 105/2012/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này. Trường hợp đặc biệt, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Mục 2

LỄ TANG ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG

Điều 24. Phân cấp tổ chức Lễ tang

1. Công nhân, viên chức quốc phòng hy sinh, tử trần tổ chức Lễ tang như đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tử trần theo quy định tại Chương V Nghị định số 105/2012/NĐ-CP.

2. Công nhân, viên chức quốc phòng có hệ số lương tương ứng với sĩ quan cấp nào thì được phân cấp tổ chức Lễ tang tương ứng như đối với sĩ quan cấp đó theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Điều 25. Chuẩn bị tin buồn, lời điếu, đưa tin, đăng tin buồn

1. Chuẩn bị tin buồn, lời điếu

a) Cơ quan chính trị đơn vị chủ trì tổ chức Lễ tang chuẩn bị tin buồn, lời điếu, có tham khảo ý kiến của gia đình trước khi thông qua Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang;

b) Cục Cán bộ, Cục Quân lực thẩm định nội dung tin buồn và chuyển đến các báo, đài theo phân cấp quản lý.

2. Đưa tin, đăng tin buồn

a) Đưa tin, đăng tin buồn trên trang 8 Báo Nhân dân thực hiện như Điểm a, Khoản 2, Điều 20 Thông tư này.

b) Đưa tin, đăng tin buồn trên Báo Quân đội nhân dân: Người hy sinh, tử trần có hệ số lương từ 5,76 (Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương công chức, viên chức và lực lượng vũ trang) và tương đương trở lên; đối tượng thuộc Điểm a Khoản 2 Điều này.

Chương V

LỄ TANG ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN NGHỈ HƯU CẤP BẬC TỬ ĐẠI TÁ TRỞ XUỐNG

Điều 26. Đơn vị Quân đội chủ trì, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương cùng gia đình tổ chức Lễ tang

Khi quân nhân nghỉ hưu từ trần, tổ chức Lễ tang tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội; căn cứ đối tượng và điều kiện cụ thể của người từ trần, đơn vị Quân đội quản lý quân nhân trước khi nghỉ hưu hoặc cơ quan quân sự địa phương chủ trì, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương cùng gia đình tổ chức Lễ tang, cụ thể như sau:

1. Đơn vị quản lý quân nhân trước khi nghỉ hưu (đơn vị cũ) chủ trì

a) Đối tượng:

- Quân nhân nghỉ hưu từ trần có cấp bậc Đại tá hoặc có chức vụ nguyên là lãnh đạo, chỉ huy cấp cục, vụ, sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh và tương đương trở lên;

- Quân nhân nghỉ hưu từ trần là cán bộ Tiên khởi nghĩa; cán bộ hoạt động kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất hoặc Huân chương Quân công hạng Nhất; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động; Đại biểu Quốc hội; Nhà giáo nhân dân; Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sĩ nhân dân; Giáo sư.

b) Điều kiện: Lễ tang được tổ chức tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên cùng địa bàn cấp tỉnh (với đơn vị cũ) hoặc không cùng địa bàn nhưng ở địa bàn giáp ranh dưới 100 km đối với đồng bằng, trung du và dưới 50 km đối với miền núi theo đường quốc lộ, tỉnh lộ.

c) Phân cấp chủ trì: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư này.

Căn cứ chức vụ trước khi nghỉ hưu của người từ trần, đơn vị cũ xác định thành phần Ban Tổ chức Lễ tang và Trưởng Ban Tổ chức Lễ tang cho phù hợp.

2. Cơ quan quân sự địa phương chủ trì

a) Đối tượng:

- Quân nhân nghỉ hưu từ trần theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này cư trú trên địa bàn mà đơn vị trước khi nghỉ hưu ở xa hoặc đã giải thể;

- Quân nhân nghỉ hưu từ trần thuộc các đối tượng còn lại cư trú trên địa bàn.

b) Điều kiện: Lễ tang được tổ chức tại nhà tang lễ bệnh viện Quân đội trên cùng địa bàn cấp tỉnh.

c) Phân cấp chủ trì

- Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cùng gia đình chủ trì, phối hợp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương tổ chức Lễ tang đối với đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này cư trú trên địa bàn mà đơn vị trước khi nghỉ hưu ở xa hoặc đã giải thể; đồng thời, thông báo đơn vị cũ đến viếng hoặc gửi vòng hoa viếng.

- Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện cùng gia đình chủ trì, phối hợp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương tổ chức Lễ tang đối với quân nhân nghỉ hưu có cấp bậc quân hàm từ Thượng tá trở xuống; đồng thời, đơn vị cũ phối hợp tham gia Ban Tổ chức Lễ tang, đến viếng hoặc gửi vòng hoa viếng.

3. Nghi thức tổ chức Lễ tang đối với cán bộ Quân đội nghỉ hưu: Trường hợp có điều kiện thì nghi thức tổ chức Lễ tang được thực hiện như đối với quân nhân có cùng cấp bậc, chức vụ đang công tác hy sinh, từ trần.

Điều 27. Đơn vị Quân đội phối hợp tham gia tổ chức Lễ tang

Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng nghỉ hưu từ trần không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 26 Thông tư này, do cấp ủy, chính quyền địa phương chủ trì, phối hợp gia đình tổ chức Lễ tang theo quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP. Đơn vị Quân đội phối hợp tham gia tổ chức Lễ tang, như sau:

1. Đơn vị cũ (ở gần) và cơ quan quân sự địa phương sở tại cử cán bộ tham gia Ban Tổ chức Lễ tang và phối hợp tổ chức Lễ tang.

2. Nội dung phối hợp tổ chức Lễ tang

- Lễ tang tổ chức tại nhà tang lễ, nếu có điều kiện thì có thể vận dụng thực hiện một số nội dung theo nghi thức quân đội, như: Tiêu binh, túc trực linh cữu, đơn vị danh dự, do cơ quan quân sự địa phương tham mưu, đề xuất và phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện; bảo đảm phù hợp với tình hình cụ thể và điều kiện, khả năng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Lễ tang tổ chức tại gia đình: Thực hiện theo phong tục của địa phương; cơ quan quân sự địa phương và đơn vị cũ (nếu ở gần) tổ chức đoàn viếng.

Điều 28. Đăng tin buồn trên Báo Nhân dân và Báo Quân đội nhân dân

1. Việc đăng tin buồn trên trang 8 Báo Nhân dân, thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 Thông tư này. Việc đăng tin buồn trên Báo Quân đội, nhân dân thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

Cục Chính sách thẩm định nội dung tin buồn.

2. Những nội dung khác thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 105/2012/NĐ-CP.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Tổng cục Chính trị

Chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, như sau:

1. Cục Chính sách

a) Chủ trì, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tổ chức lễ tang theo quy định tại Thông tư này; chỉ đạo, hướng dẫn và giải quyết vướng mắc, phát sinh trong thực hiện tổ chức lễ tang đối với quân nhân đã nghỉ hưu, từ trần;

b) Chủ trì đề xuất, phối hợp thực hiện những nội dung liên quan đến tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao trong Quân đội đối với cán bộ Quân đội đã nghỉ hưu từ trần;

c) Dự toán kinh phí, xăng dầu bảo đảm phục vụ Lễ tang quân nhân nghỉ hưu theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Cán bộ

a) Chỉ đạo tổ chức lễ tang đối với các đối tượng đang công tác hy sinh, từ trần thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Chủ trì đề xuất, phối hợp thực hiện những nội dung liên quan đến tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao do Quân đội chủ trì đối với cán bộ đang công tác hy sinh, từ trần.

3. Cục Tuyên huấn

Chỉ đạo các hoạt động đưa tin, viết bài, quay phim tài liệu, tuyên truyền về lễ tang và người hy sinh, từ trần, phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

4. Cục Bảo vệ an ninh Quân đội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, chỉ đạo thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh trong tổ chức lễ tang; trực tiếp chỉ đạo và bảo đảm công tác an ninh, an toàn trong tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao do Bộ Quốc phòng chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5. Báo Quân đội nhân dân và Trung tâm Phát thanh - Truyền hình Quân đội

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến nội dung Thông tư; thực hiện việc đưa, đăng tin buồn; viết bài hoặc phát hành phim tài liệu về thân thế, sự nghiệp người hy sinh, từ trần theo quy định tại Thông tư này.

Điều 30. Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, như sau:

1. Cục Quân huấn

a) Quy định chi tiết nghi thức trong các hình thức tổ chức lễ tang; thứ tự các bước thực hiện trong Lễ viếng, Lễ truy điệu, Lễ đưa tang và Lễ an táng (hoặc hoá táng, điện táng); tổ chức lực lượng, bảo đảm phương tiện, trang bị và đội hình xe trong các hình thức tổ chức lễ tang; quy định phạm vi sử dụng lực lượng nghi lễ khi đưa tang ra ngoài địa bàn thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điều hành các lực lượng, phương tiện phục vụ trong quá trình tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước và Lễ tang Cấp cao do Bộ Quốc phòng chủ trì.

2. Cục Quân lực

a) Chỉ đạo tổ chức lễ tang đối với các đối tượng đang công tác trong Quân đội hy sinh, từ trần thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Nghiên cứu, đề xuất tổ chức biên chế, lực lượng phục vụ lễ tang theo quy định tại Thông tư này.

3. Đoàn Nghi lễ Quân đội và Đội nghi lễ Quân đội thuộc Quân khu 7

Tổ chức lực lượng, bảo đảm phương tiện chuyên dùng; thực hiện các nghi thức, nghi lễ trong các hình thức tổ chức lễ tang theo quy định tại Thông tư này.

Điều 31. Tổng cục Hậu cần

Hằng năm, chỉ đạo, hướng dẫn lập dự toán và phân cấp xăng dầu hỗ trợ tổ chức lễ tang cho các cơ quan, đơn vị; thực hiện các nội dung có liên quan theo chức năng.

Điều 32. Tổng cục Kỹ thuật

Chỉ đạo công tác bảo đảm kỹ thuật cho các phương tiện ô tô, xe máy phục vụ Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao do Bộ Quốc phòng chủ trì và các nội dung có liên quan khác theo chức năng.

Điều 33. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

Hằng năm, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị lập dự toán, phân cấp kinh phí, kiểm tra, hướng dẫn sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ tổ chức lễ tang theo quy định tại Thông tư này.

Điều 34. Các đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương

Quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện Thông tư này. Hằng năm, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền lập dự toán kinh phí, xăng dầu bảo đảm cho tổ chức lễ tang và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 35. Kinh phí, xăng dầu bảo đảm

1. Kinh phí tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước và Lễ tang Cấp cao

Kinh phí tổ chức Lễ tang cấp Nhà nước và Lễ tang Cấp cao trong Quân đội quy định tại Chương II, Chương III Thông tư này thực hiện theo Thông tư số 74/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp phát, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao.

2. Kinh phí tổ chức lễ tang đối với quân nhân có cấp bậc Đại tá trở xuống đang công tác hoặc nghỉ hưu và công nhân, viên chức quốc phòng đang công tác hy sinh, tử trận thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; đồng thời, được Bộ Quốc phòng hỗ trợ thêm kinh phí theo quy định hiện hành. Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc thay mặt đơn vị Quân đội đi viếng được chi các nội dung theo chế độ quy định.

3. Hằng năm, Bộ Quốc phòng bố trí một khoản xăng dầu để hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị chủ trì và tham gia tổ chức lễ tang, phù hợp với việc phân cấp và nghi thức tổ chức lễ tang trong Quân đội.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2016 và thay thế Thông tư Liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2005 của Bộ Quốc phòng - Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thực hiện tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng hy sinh, tử trận.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trung tướng Lê Chiêm

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

PHẦN III

QUY ĐỊNH CỦA BỘ QUỐC PHÒNG VỀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN CHĂM SÓC ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

Số: 158/2011/TT-BQP

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

THÔNG TƯ

VỀ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN CHĂM SÓC ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Chỉ thị số 216/CT-ĐUQSTW ngày 19 tháng 7 năm 2006 của Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về tiếp tục đẩy mạnh công tác thương binh, liệt sỹ, chính sách hậu phương quân đội và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, Chỉ thị số 244/CT-ĐUQSTW ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Thường vụ Quân ủy Trung ương) về lãnh đạo, chỉ đạo công tác chính sách hậu phương quân đội trong thời gian tới;

Thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/CP ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu như sau:

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc về tinh thần, vật chất đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1

a) Sĩ quan cấp quân hàm Thiếu tướng trở lên;

b) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá, mức lương 668 đồng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 235/HĐBT);

c) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá nâng lương lần 2 hệ số 7,2 theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 25/CP); hoặc hệ số 8,6 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP);

d) Sĩ quan nguyên là Tư lệnh, Chính ủy quân đoàn; Tư lệnh, Chính ủy binh chủng; Cục trưởng có chức năng chỉ đạo toàn quân và tương đương trở lên; hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,9 trở lên theo Nghị định số 25/CP hoặc từ 1,1 trở lên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ;

2. Đối tượng 2:

a) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá, mức lương 655 đồng theo Nghị định số 235/HĐBT; Đại tá nâng lương lần 1 hệ số 6,85 theo Nghị định số 25/CP hoặc 8,4 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ;

b) Sĩ quan nguyên là Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy quân đoàn; Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy binh chủng và tương đương; hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,8 theo Nghị định số 25/CP hoặc 1,0 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP .

3. Đối tượng 3: Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá, Thượng tá hoặc sĩ quan nguyên là chỉ huy Sư đoàn hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.

4. Đối tượng 4: Sĩ quan cấp quân hàm Trung tá, Thiếu tá hoặc sĩ quan nguyên là chỉ huy Trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận) và tương đương.

5. Đối tượng 5: Sĩ quan cấp úy và các chức danh khác tương đương.

6. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng có cấp bậc quân hàm, hoặc mức lương, hoặc hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với cấp bậc quân hàm, hoặc mức lương, hoặc hệ số phụ cấp chức vụ của sĩ quan cấp nào thì được hưởng chế độ quy định tại Thông tư này như đối với sĩ quan cấp đó.

7. Trường hợp thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cán bộ được đăng ký và được thực hiện chế độ, chính sách đối với chức vụ lãnh đạo cao nhất đã qua.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng đã được hưởng chế độ quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp.

b) Cán bộ quân đội nghỉ hưu thuộc đối tượng nêu tại Điều 2 Thông tư này đang chấp hành án phạt tù; đầu hàng địch; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Chương II.

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN CHĂM SÓC CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

Điều 4. Chế độ an điều dưỡng

1. Đối tượng, tỷ lệ phiếu mời an điều dưỡng, số người trong phiếu mời gia đình, thời gian an điều dưỡng

a) Cán bộ quân đội nghỉ hưu cấp Thiếu tướng trở lên được cấp phiếu mời gia đình đi an điều dưỡng mỗi năm một lần; các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được cấp phiếu mời gia đình đi an điều dưỡng hai năm một lần tại Đoàn an điều dưỡng quân đội.

b) Hằng năm, Bộ Quốc phòng cấp 7.050 phiếu mời (30% phiếu mời cá nhân, 20% phiếu mời gia đình) để mời đối tượng 2 trở xuống đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng quân đội; thứ tự ưu tiên người có nhiều công hiến, người có công với cách mạng, cán bộ ba thời kỳ, người có cấp bậc, chức vụ từ cao đến thấp.

c) Cán bộ quân đội nghỉ hưu có phiếu mời được bố trí phòng nghỉ như quy định cho cán bộ cùng cấp bậc, chức vụ đang công tác; cán bộ Lão thành cách mạng, Tiền khởi nghĩa, cán bộ ba thời kỳ được bố trí phòng nghỉ như đối với cán bộ cấp Đại tá.

d) Cán bộ quân đội nghỉ hưu được mời an điều dưỡng tại Đoàn an điều dưỡng của quân đội trong phạm vi không quá 600km, từ nơi cư trú đến Đoàn an điều dưỡng.

đ) Cán bộ quân đội nghỉ hưu có phiếu mời gia đình, số lượng người đi cùng không quá 04 người; người đi cùng phải tự túc phương tiện, tiền ăn.

e) Thời gian an điều dưỡng: Đối với phiếu mời cá nhân là 10 ngày; phiếu mời gia đình là 07 ngày.

2. Tiêu chuẩn an điều dưỡng

a) Đối tượng 1 được cấp tiền bồi dưỡng mỗi năm một lần bằng mức 1 như cán bộ đang công tác; năm 2011 là 930.000 đồng/người. Khi đi an điều dưỡng, cán bộ nộp tiền ăn cho Đoàn an điều dưỡng theo mức tiền ăn quy định.

b) Phiếu mời đối tượng 2 trở xuống bằng mức 2, loại 2A như cán bộ đang công tác; năm 2011 là 840.000 đồng/người.

c) Đối tượng có phiếu mời gia đình; cá nhân có phiếu mời đi lẻ (không theo Đoàn) khi đi an điều dưỡng nếu tự túc phương tiện hoặc đi bằng phương tiện giao thông công cộng (ô tô khách, tàu hỏa, tàu thủy) thì được thanh toán tiền tàu xe cho cả lượt đi và lượt về theo giá vé tàu xe thông thường tại thời điểm thanh toán, tổng quãng đường không quá 1.200km. Tiền tàu xe do Đoàn an điều dưỡng nơi cán bộ đến nghỉ trực tiếp thanh toán chi trả. Hằng năm, Đoàn an điều dưỡng được phân cấp một khoản kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe; các Đoàn được quyết toán theo thực chi.

d) Đối tượng có phiếu mời cá nhân do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố tổ chức đi nghỉ tập trung; tiền tàu xe được cấp theo số phiếu mời phân cấp hàng năm cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố.

3. Quản lý phiếu mời an điều dưỡng

a) Phiếu mời có ghi năm và có giá trị sử dụng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 của năm ghi trên phiếu.

b) Phiếu mời do Tổng cục Chính trị phát hành theo mẫu thống nhất, phiếu mời đối tượng 2 trở xuống có đóng dấu treo của Cục Chính sách.

c) Số phiếu mời trong 03 tháng mùa hè (6, 7, 8) đối tượng 1 bằng 40%, đối tượng 2 bằng 30%; số phiếu còn lại phân bổ đều cho các tháng trong năm. Phiếu mời trong 03 tháng mùa hè có đóng dấu đọt; phiếu mời gia đình mỗi tháng chia thành 04 đọt; phiếu mời cá nhân mỗi tháng chia thành 03 đọt.

d) Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị phân phối phiếu mời an điều dưỡng; ký phiếu mời đối tượng 1; phối hợp với Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị giao chỉ tiêu cho các Đoàn an điều dưỡng tiếp nhận cán bộ nghỉ hưu đến an điều dưỡng.

đ) Cục Chính trị các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ký phiếu mời đối tượng 2 trở xuống; phân phối phiếu mời an điều dưỡng, kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe đi an điều dưỡng cho Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố và đơn vị thuộc quyền; dự toán kinh phí tăng.

Hàng năm, tổng hợp kết quả an điều dưỡng đối tượng cán bộ quân đội nghỉ hưu về Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (qua Cục Chính sách).

e) Khi cấp phiếu mời, tiền an bồi dưỡng phải đúng đối tượng, công khai, không để xảy ra sai sót, tiêu cực; phổ biến cho cán bộ rõ về tiêu chuẩn được hưởng, thời gian nghỉ; hướng dẫn cán bộ an điều dưỡng đúng Đoàn, đúng đợt, đúng thời gian, đúng số lượng người đi cùng (đối với phiếu mời gia đình) ghi trên phiếu.

4. Tổ chức đi nghỉ an điều dưỡng

Hàng năm Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh) bố trí phương tiện tổ chức đưa, đón cán bộ đi an điều dưỡng tập trung tại các Đoàn theo từng đợt.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh được hỗ trợ xăng dầu, kinh phí tương ứng với chỉ tiêu phiếu mời cá nhân; chủ trì xây dựng kế hoạch, cử cán bộ đưa, đón cán bộ đi an điều dưỡng tập trung; phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tham mưu, đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí tổ chức đưa đón, gặp mặt đối tượng.

Điều 5. Chế độ khám chữa bệnh

1. Các bệnh viện quân đội khi ký hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương ưu tiên cán bộ quân đội nghỉ hưu đăng ký nơi khám, chữa bệnh ban đầu tại bệnh viện quân đội gần nơi cư trú.

2. Cán bộ quân đội nghỉ hưu khám, chữa bệnh và điều trị tại bệnh viện quân đội được hưởng quyền lợi khám, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; được bố trí phòng điều trị và hưởng chế độ chăm sóc y tế như đối với cán bộ cùng cấp bậc, chức vụ đang tại ngũ. Chi phí khám, chữa bệnh do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 6. Chế độ chăm sóc cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo

1. Đối tượng:

Cán bộ quân đội nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này được Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh ký quyết định công nhận cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo thì được trợ cấp hàng quý; cán bộ từ trần thì thôi hưởng trợ cấp từ quý tiếp theo.

2. Chế độ hưởng:

Chế độ trợ cấp bệnh hiểm nghèo được thực hiện từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định và được hưởng trợ cấp cả quý đó; mức trợ cấp một người/quý bằng một (01) tháng tiền lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ tại thời điểm chi trả;

Cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo điều trị tại các bệnh viện, của quân đội được hưởng phần chênh lệch giữa tiền ăn bệnh lý và tiền ăn cơ bản do bệnh viện thanh toán.

3. Hồ sơ bệnh hiểm nghèo:

a) Hồ sơ cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo được lập thành 01 bộ theo các mẫu quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo thông tư này, gồm:

- Đơn đề nghị xét hưởng chế độ hiểm nghèo (Mẫu số 01/2011/BHN);
- Biên bản giám định bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 02/2011/BHN);
- Quyết định công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 03/2011/BHN);

b) Hồ sơ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Ban Chính sách) lưu giữ, quản lý.

4. Trách nhiệm lập hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết:

a) Cán bộ quân đội nghỉ hưu hoặc thân nhân của cán bộ quân đội nghỉ hưu gửi hồ sơ về Ban Chỉ huy quân sự xã, phường nơi cư trú. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xét hưởng chế độ hiểm nghèo (01 bản);
- Các giấy tờ liên quan điều trị bệnh hiểm nghèo, gồm: Bản sao bệnh án hoặc một trong các giấy tờ khác như: Sổ sức khỏe, các xét nghiệm (01 bản);
- Bản sao quyết định nghỉ hưu hoặc phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu (01 bản).

b) Ban Chỉ huy quân sự xã, phường nơi đối tượng, cư trú: Tiếp nhận và chuyển hồ sơ hợp lệ đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Tiếp nhận, hồ sơ do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chuyển đến, kiểm tra hồ sơ và tình trạng bệnh tật trên hồ sơ theo quy định; lập danh sách đối tượng (kèm theo hồ sơ) báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

d) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Chỉ đạo cơ quan chức năng (Ban Chính sách) tiếp nhận hồ sơ và danh sách do Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện chuyển đến; kiểm tra, thẩm định, tổ chức giám định theo quy định, nếu đủ điều kiện thì lập biên bản kết luận từng trường hợp trình Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh ký Quyết định công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Tổng hợp danh sách báo cáo về Cục Chính trị quân khu (qua Phòng Chính sách).

5. Tổ chức giám định bệnh hiểm nghèo

a) Hội đồng giám định bệnh hiểm nghèo đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ nhiệm quân y; ủy viên thường trực là Trưởng Ban Chính sách; ủy viên - thư ký là bác sỹ trợ lý quân y; ủy viên khác là Trưởng Ban Cán bộ; Trưởng Ban Quân lực. Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quy định cấp Trưởng phòng tương ứng nêu trên.

b) Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức giám định thông qua hồ sơ hoặc giám định trực tiếp khám bệnh nhân (trường hợp không có hồ sơ):

Giám định thông qua hồ sơ: Phải căn cứ bản sao bệnh án, các xét nghiệm liên quan của bệnh viện dân y từ tuyến quận, huyện hoặc các bệnh viện Quân đội nơi đối tượng đã điều trị; xem xét kỹ nội dung khám, xét nghiệm, chẩn đoán chuyên môn trong bản sao bệnh án để đối chiếu và kết luận giám định theo tiêu chuẩn trong “Phụ lục 1- Danh mục bệnh hiểm nghèo” ban hành kèm theo Thông tư này để kết luận.

Giám định trực tiếp: Khi không có hồ sơ bệnh án của bệnh viện, Hội đồng khám giám định trực tiếp tại gia đình hoặc các cơ sở y tế bằng hình thức khám lâm sàng và xét nghiệm cần thiết; kết luận giám định theo tiêu chuẩn trong “Phụ lục 1 - Danh mục các bệnh hiểm nghèo” để kết luận.

Chủ tịch Hội đồng và các thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết luận giám định. Trường hợp không thống nhất được kết luận thì chuyển hồ sơ lên Hội đồng giám định y khoa cấp quân khu.

Điều 7. Chế độ thông tin và trợ cấp khó khăn

1. Đối tượng 1:

a) Được cấp bằng tiền để cán bộ mua báo Quân đội nhân dân, bao gồm: báo ngày, báo cuối tuần, và tập san Sự kiện và nhân chứng.

b) Đối tượng nêu tại điểm b, c, d, khoản 1 Điều 2 Thông tư này nếu bị ốm đau, gặp tai nạn phải điều trị dài ngày tại bệnh viện (từ 20 ngày trở lên) được trợ cấp không quá 2 lần/năm, mức trợ cấp 500.000 đồng/lần.

2. Đối tượng 2: Được cấp tiền mua báo như đối tượng 1.

3. Giá tiền một số báo được tính tại thời điểm quý I hàng năm. Đối tượng 1 và 2 nghỉ hưu vào tháng nào trong năm được cấp tiền báo từ tháng đó (tháng nhận lương hưu), theo giá báo tại thời điểm cấp tiền. Đơn vị quản lý cán bộ được quyết toán theo thực chi, khi cấp tiền báo yêu cầu cán bộ ký nhận, ghi rõ họ và tên, kèm theo bản sao quyết định hưởng chế độ hưu trí.

Điều 8. Chế độ tổ chức lễ tang

1. Tổ chức lễ tang đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần và Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng hy sinh, từ trần (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV).

2. Kinh phí đảm bảo phục vụ lễ tang với đối tượng tổ chức lễ tang cấp nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2002/TT-BTC ngày 02 tháng 5 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản chi phí, cấp phát và quyết toán ngân sách phục vụ lễ quốc tang, lễ tang cấp nhà nước, lễ tang cấp cao. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức lễ tang cấp cao được chi mức tối đa là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), đơn vị căn cứ vào nội dung, định mức chi hợp lý để quyết toán theo quy định.

Thủ tục xây mộ và kinh phí xây mộ đối tượng thuộc lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Kinh phí hỗ trợ lễ tang; đối với quân nhân nghỉ hưu từ trần từ cấp Đại tá trở xuống.

Ngoài trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, hàng năm, Bộ Quốc phòng bố trí một khoản ngân sách để hỗ trợ tổ chức lễ tang cán bộ

quân đội nghỉ hưu không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao. Cụ thể:

a) Mức hỗ trợ đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang theo phân cấp, quy định tại điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Mục E Phần III Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV cho một trường hợp như sau:

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức lễ tang mức 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng);

Sư đoàn, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và tương đương chủ trì tổ chức lễ tang mức 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);

Trung đoàn, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương chủ trì tổ chức lễ tang mức 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

b) Mức hỗ trợ cơ quan quân sự địa phương được phân công tham gia Ban tổ chức lễ tang. Trường hợp cán bộ nghỉ hưu từ trần được tổ chức lễ tang tại gia đình, hoặc tại bệnh viện nơi cư trú, do cấp ủy chính quyền địa phương chủ trì tổ chức lễ tang, cơ quan quân sự địa phương cấp nào được phân công tham gia ban tổ chức lễ tang và đại diện quân đội đến viếng theo phân cấp (quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục E Phần III Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV) thì đơn vị cấp đó được hỗ trợ mức 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng); kinh phí này để chi mua vòng hoa viếng.

c) Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc được phân công tham gia ban tổ chức lễ tang được quyết toán theo thực chi mức hỗ trợ lễ tang theo quy định trên.

Điều 9. Chế độ gặp mặt, tặng quà nhân các ngày lễ, tết

1. Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, các quân khu chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương các cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí, tổ chức gặp mặt, tặng quà cán bộ quân đội nghỉ hưu theo phân cấp quản lý, quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

2. Hằng năm, Bộ Quốc phòng bố trí ngân sách để tặng quà đối tượng chính sách tiêu biểu nhân ngày 27/7 và dịp tết Nguyên đán. Đối tượng được tặng quà, mức quà thực hiện theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương, Chủ tịch nước và Bộ Quốc phòng.

Chương III.

KINH PHÍ BẢO ĐẢM, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 10. Kinh phí thực hiện, xăng dầu bảo đảm

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này được bảo đảm từ nguồn thu điều tiết của các doanh nghiệp quân đội và cân đối ngân sách hằng năm của Bộ Quốc phòng.

Hằng năm, căn cứ số lượng đối tượng được hưởng, mức hưởng theo quy định, Cục Chính sách Tổng cục Chính trị lập dự toán kinh phí chi thực hiện gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng để trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Căn cứ vào chỉ tiêu ngân sách được Bộ Quốc phòng phê duyệt, Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chủ trì phân bổ ngân sách cho các đơn vị, gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng để thông báo và cấp phát cho đơn vị thực hiện.

2. Xăng dầu hỗ trợ đi nghỉ an điều dưỡng, hỗ trợ lễ tang và thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này được bố trí trong hạn mức xăng dầu nhiệm vụ chính sách hằng năm của Bộ Quốc phòng. Hàng năm, Cục Chính sách xây dựng kế hoạch, thống nhất với Cục Xăng dầu/Tổng cục Hậu cần.

Điều 11. Phân cấp quản lý thực hiện chế độ

1. Hồ sơ quản lý

a) “Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu, sau đây gọi tắt là Phiếu đăng ký (Mẫu số 04/2011/CBHu) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này là tài liệu làm căn cứ để lập danh sách, hồ sơ quản lý và thực hiện chế độ đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.

b) Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu từ cấp trung đoàn và đơn vị tương đương trở lên lập 03 bản Phiếu đăng ký, giao cho cán bộ 01 bản, đơn vị lưu 01 bản và gửi 01 bản cho cơ quan quân sự địa phương theo phân cấp, quy định tại khoản 2 Điều này, để quản lý và thực hiện chế độ.

2. Phân cấp quản lý và thực hiện chế độ.

Tổng cục Chính trị (Cục Chính sách) quản lý toàn bộ số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu toàn quân; quản lý danh sách đối tượng 1, chỉ đạo việc quản lý và thực hiện chế độ theo quy định tại Thông tư này theo phân cấp như sau:

a) Quân khu quản lý và chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng 1 và 2 cư trú tại địa bàn quân khu (trừ đối tượng quy định tại điểm đ khoản

2 này), có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp đối tượng để quản lý (theo các mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này), gồm:

- Danh sách đối tượng 1 (Mẫu số 5a/2011/DS-HP);
- Danh sách đối tượng 2 (Mẫu số 5b/2011/DS-HP);
- Danh sách cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 5c/2011/DS-HP);
- Báo cáo số lượng đối tượng 1 và đối tượng 2 cán bộ quân đội nghỉ hưu (Mẫu số 5d/2011/BC-HP);

- Báo cáo số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu (Mẫu số 5e/2011/BC-HP);

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quản lý và chỉ đạo việc thực hiện chế độ đối với đối tượng 3.

c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quản lý, thực hiện chế độ đối với đối tượng 4.

d) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quản lý, thực hiện chế độ đối với đối tượng 5.

đ) Đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân ở thành phố Hà Nội đăng ký, tổng hợp để quản lý và chỉ đạo thực hiện chế độ đối với đối tượng 1 và 2 cư trú tại thành phố Hà Nội theo các mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này, gồm:

- Danh sách đối tượng 1 (Mẫu số 5a/2011/DS-HP);
- Danh sách đối tượng 2 (Mẫu số 5b/2011/DS-HP);
- Báo cáo số lượng đối tượng 1 và 2 (Mẫu số 5d/2011/BC-HP).

Điều 12. Chế độ báo cáo và di chuyển hồ sơ

1. Đối với các quân khu chỉ đạo cơ quan chức năng; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách), gồm:

- a) Số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu;
- b) Danh sách và Phiếu đăng ký đối tượng 1, đối tượng 2;
- c) Danh sách cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này;
- d) Dự toán kinh phí thực hiện chế độ để tổng hợp đề nghị Bộ Quốc phòng bảo đảm.

2. Đối với đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân tại thành phố Hà Nội báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách), gồm:

- a) Danh sách đối tượng 1, đối tượng 2;

b) Báo cáo số lượng cán bộ, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Để có căn cứ lập dự toán ngân sách thực hiện chế độ, các đơn vị gửi báo cáo về Cục Chính sách/TCCT trước ngày 30 tháng 3 hằng năm.

4. Di chuyển hồ sơ:

Đối tượng 1 và đối tượng 2 nghỉ hưu, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Chính sách Tổng cục Chính trị và 01 bộ hồ sơ về Cục Chính trị Quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Phòng Chính sách) nơi cán bộ cư trú khi nghỉ hưu, gồm: Giấy giới thiệu di chuyển hồ sơ (Mẫu số 04/2011/GGT); Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu; bản sao Quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

Điều 13. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra.

2. Các cơ quan Bộ Quốc phòng:

a) Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan lập dự toán ngân sách, xăng dầu; bảo đảm kinh phí để Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị đi thăm, tặng quà ngày lễ tết; thăm và trợ cấp cán bộ đối tượng 1 bị ốm đau, gặp tai nạn.

b) Cục Cán bộ Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị thống nhất kế hoạch mời cán bộ quân đội nghỉ hưu an dưỡng tại các Đoàn an dưỡng.

c) Cục Quân y Tổng cục Hậu cần chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chỉ đạo các bệnh viện quân đội thực hiện chế độ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu; chế độ ưu đãi đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo khi đi điều trị tại bệnh viện.

d) Cục Xăng dầu Tổng cục Hậu cần chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị thống nhất định mức xăng, dầu hỗ trợ đưa cán bộ đi an dưỡng, hỗ trợ lễ tang theo loại hình đơn vị; ưu tiên Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh; tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch bảo đảm hằng năm, báo cáo Hội đồng phân bổ hạn mức xăng dầu Bộ Quốc phòng.

đ) Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị hướng dẫn việc lập dự toán, cấp phát và quản lý ngân sách thực hiện chế độ, chính sách, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng:

Có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chế độ quy định cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát

sinh; lập danh sách cán bộ quân đội đã nghỉ hưu và lưu giữ hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết; chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

Chương IV. **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khi Bộ Quốc phòng điều chỉnh quy định mức tiền an, bồi dưỡng tại chức đối với cán bộ trong Quân đội thì mức tiền an, bồi dưỡng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này được điều chỉnh tương ứng theo quy định.

2. Khi Chính phủ điều chỉnh quy định mức tiền lương tối thiểu đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì mức tiền trợ cấp cho đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này được điều chỉnh tương ứng theo quy định.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 212/2006/QĐ-BQP ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Bộ Quốc phòng về việc thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu; Thông tư số 04/2011/TT-BQP ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 212/2006/QĐ-BQP ngày 21/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách) để xem xét giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phùng Quang Thanh

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC BỆNH HIỂM NGHÈO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Bệnh hiểm nghèo được hưởng trợ cấp theo quy định tại Thông tư số .../2011/TT-BQP là bệnh hoặc thương tích rất nặng, có tổn thương thực thể không phục hồi ở những cơ quan, bộ phận quan trọng trong cơ thể, đã điều trị lâu ngày và nhiều lần nhưng không khỏi, để lại di chứng nặng nề, gây tàn phế.

II. DANH MỤC BỆNH HIỂM NGHÈO

1. Bệnh ung thư:

Gồm ung thư các loại phát triển đến giai đoạn cuối, đã có di căn ở nhiều cơ quan, vượt khả năng điều trị triệt để.

2. Bệnh về thần kinh:

Liệt vận động tứ chi, nửa người, hai chi dưới vĩnh viễn do các loại nguyên nhân; Bệnh Parkinson.

3. Bệnh gan:

Xơ gan giai đoạn mất bù gây biến chứng nặng như cổ trướng, chảy máu đường tiêu hóa tái phát. Suy gan vàng da kéo dài, cơ thể suy kiệt nặng.

4. Bệnh thận:

Suy thận mạn giai đoạn 4 mất bù hoàn toàn. Có chỉ định ghép thận hoặc lọc máu có chu kỳ.

5. Bệnh nội tiết:

Đái tháo đường tít I, II giai đoạn cuối (phụ thuộc Insulin), không đáp ứng điều trị đã có biến chứng nặng ở mắt, tim, thận, mạch máu, cơ thể suy kiệt nặng.

6. Các bệnh phổi:

- Giãn phế quản phổi lan tỏa hai phổi;
- Bệnh phổi phế quản tắc nghẽn mãn tính giai đoạn cuối, khó thở thường xuyên;

- Xơ phổi rộng lan tỏa cả hai phổi;
- Lao xơ hang BK kháng thuốc;

Các bệnh phổi mãn tính hiểm nghèo trên đã có biến chứng nặng nề như: Suy hô hấp mãn tính, với những đợt suy hô hấp cấp xuất hiện thường xuyên. Suy kiệt nặng thường xuyên phải vào viện điều trị.

7. Bệnh tuần hoàn:

- Suy tim độ 4 mất bù hoàn toàn;
- Viêm tắc động mạch chi đã có biến chứng hoại tử, phải phẫu thuật cắt cụt một hoặc nhiều chi.

8. Bệnh lão khoa:

- Mất trí nhớ hoàn toàn ở người già phải có người phục vụ (Bệnh Alzeih mer);
- Bệnh thoái hóa khớp ở người già đã có di chứng cứng khớp, bất lực vận động hoàn toàn phải di chuyển bằng xe lăn.

9. Bệnh tâm thần:

Bệnh tâm thần phân liệt nặng, thể di chứng, sa sút trí tuệ và tan dã nhân cách hoàn toàn.

10. Bệnh mắt:

- Mù vĩnh viễn hoàn toàn 2 mắt do các nguyên nhân.

11. Bệnh da liễu:

- Xơ cứng bì toàn thể tiến triển, đã có biến chứng viêm loét da không hồi phục.
- Bệnh Phong ở giai đoạn đã có biến chứng viêm loét da, cụt các đầu chi.

12. Các thương tích gây hậu quả nặng nề:

Cụt 2 chi thể: 2 tay, 2 chân hoặc 1 tay và 1 chân (trừ những người đã được hưởng chế độ thương binh, bệnh binh; tai nạn lao động đã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội).

PHỤ LỤC 2

MẪU BIỂU HỒ SƠ BÁO CÁO TỔNG HỢP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

SỐ TT	NỘI DUNG	MẪU SỐ
1	Đơn đề nghị hưởng chế độ hiểm nghèo	Mẫu số 01/2011/BHN
2	Biên bản giám định bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 02/2011/BHN
3	Quyết định công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 03/2011/BHN
4	Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu	Mẫu số 04/2011/CBHu
5	Giấy giới thiệu phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu	Mẫu số 05/2011/GGT
6	Danh sách đối tượng 1	Mẫu số 5a/2011/DS-HP
7	Danh sách đối tượng 2	Mẫu số 5b/2011/DS-HP
8	Danh sách cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 5c/2011/DS-HP
9	Báo cáo số lượng đối tượng 1 và đối tượng 2 cán bộ quân đội nghỉ hưu	Mẫu số 5d/2011/BC-HP
10	Báo cáo số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu.	Mẫu số 5e/2011/BC-HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hưởng chế độ trợ cấp bệnh hiểm nghèo

I. PHẦN KHAI VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI LÀM ĐƠN

Họ và tên: _____ ; năm sinh: _____ ; nam, nữ:

Nơi ở hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Quan hệ với đối tượng tại điểm 2 dưới đây là:

II. PHẦN KHAI VỀ TRÍCH YẾU CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU VÀ TÌNH TRẠNG BỆNH TẬT

Họ và tên: _____ năm sinh: _____

Cấp bậc, mức lương khi nghỉ hưu:

Chức vụ khi nghỉ hưu:

Đơn vị khi nghỉ hưu:

Nhập ngũ: _____ ; xuất ngũ: _____ ; tái ngũ:

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Nơi cư trú khi nghỉ hưu:

Hiện đang hưởng chế độ chính sách người có công với CM (*ghi rõ thương binh, AHLLVT....*).

Giấy tờ kèm theo, gồm:

- Giấy ra viện, bệnh án sao điều trị của bệnh viện dân y tuyến quận, huyện hoặc bệnh viện quân khu, quân đoàn, quân chủng nơi quân nhân đã điều trị.

- Bản sao Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu hoặc Quyết định nghỉ hưu.

Tình trạng bệnh tật hiện nay:

Đề nghị Ban chỉ huy quân sự xã, phường tiếp nhận hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền giám định, quyết định cho được hưởng chế độ trợ cấp cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02/2011/BHN

**BỘ CHQS TỈNH (TP).....
HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH
BỆNH HIỂM NGHÈO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BBGD-HĐ

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH BỆNH HIỂM NGHÈO

Hội đồng giám định bệnh hiểm nghèo tỉnh (TP)

Họp ngày tháng năm để giám định bệnh hiểm nghèo đối với
đồng chí, năm sinh

Cấp bậc, mức lương khi nghỉ hưu:

Chỗ ở hiện nay:

Theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự quận (huyện)

NỘI DUNG GIÁM ĐỊNH QUA HỒ SƠ, HOẶC GIÁM ĐỊNH TRỰC TIẾP

.....
.....
.....

KẾT LUẬN

Căn cứ danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Thông tư số /2011/TT-BQP
ngày tháng năm 2011 của Bộ Quốc phòng; Đồng chí

Mắc bệnh hiểm nghèo, thuộc nhóm bệnh

Đề nghị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) quyết định công nhận là đối tượng
bệnh hiểm nghèo và trợ cấp theo quy định./.

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, đóng dấu)

1. Trưởng Ban Chính sách
.....
2. Trưởng Ban Quân lực
.....
3. Trưởng Ban Cán bộ
.....
4. Bác sĩ quân y
.....

QUÂN KHU.....
BỘ CHQS TỈNH (TP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BCH

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH (TP)

Căn cứ Thông tư số/2011/TT-BQP ngày tháng năm 2011 của Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu;

Căn cứ Biên bản giám định bệnh hiểm nghèo số /BBGD-HĐ ngày tháng năm 20.... của Hội đồng giám định bệnh hiểm nghèo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố)

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đồng chí:năm sinh:

Ngày nhập ngũ:; xuất ngũ; tái ngũ

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày tháng năm

Cấp bậc, mức lương:; Chức vụ khi nghỉ hưu

Đơn vị khi nghỉ hưu

Nơi cư trú khi nghỉ hưu:

Là cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo, được hưởng trợ cấp hàng quý theo quy định tại Thông tư số /2011/TT-BQP ngày.... tháng.... năm 2011 của Bộ Quốc phòng.

Thời gian được hưởng trợ cấp từ quý/năm 20.....

Điều 2. Ban chỉ huy quân sự quận (huyện) có trách nhiệm lập danh sách quản lý đối tượng, cấp “Sổ trợ cấp bệnh hiểm nghèo” thực hiện chế độ cho đối tượng theo quy định.

Điều 3. Trưởng Phòng (Ban) Chính sách, Trưởng Phòng (Ban) Tài chính, Thủ trưởng Ban chỉ huy quân sự quận (huyện) và đồng chí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHÍNH ỦY

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng)

1. Tóm tắt trích yếu

Họ và tên: _____ sinh ngày: _____
Cấp bậc: _____ mức lương: _____
Chức vụ trước khi nghỉ hưu: _____
Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo: _____
Đơn vị trước khi nghỉ hưu: _____
Ngày nhập ngũ: _____ xuất ngũ: _____ tái ngũ: _____
Ngày vào Đảng: _____ chính thức: _____
Chiến trường đã qua (thời gian; chiến đấu, phục vụ chiến đấu; đơn vị)

.....
Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày tháng năm; Quyết định số:

Nguyên quán:.....

Nơi cư trú khi nghỉ hưu:.....

Điện thoại (nếu có):.....

2. Là người có công với cách mạng (ghi số Quyết định, ngày ký)

Cán bộ Lão thành cách mạng:

Cán bộ Tiền khởi nghĩa:

Anh hùng LLVT nhân dân, Anh hùng lao động:

Thương binh: _____ (tỷ lệ MSLĐ _____ %)

Đối tượng khác:

3. Khen thưởng (ghi rõ các loại Huân chương, Huy chương đã được khen thưởng)

- | | |
|----|----|
| a) | e) |
| b) | f) |
| c) | g) |
| d) | h) |
| đ) | i) |

4. Quan hệ gia đình (vợ, chồng, con):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quan hệ	Nghề nghiệp

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian		Chức vụ, đơn vị, chiến trường (Ghi rõ đơn vị từ b, c, e, f...)	Cấp bậc tháng, năm	Cấp ủy đảng, tháng năm
Từ tháng năm	đến tháng năm			

Ngày trích:		Ngày tháng năm THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>		
Tài liệu căn cứ để trích:				
Họ tên, cấp bậc, chức vụ chữ ký người trích				

Những điều cần lưu ý:

1. Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu cấp Trung đoàn và tương đương trở lên lập 03 bản Phiếu đăng ký; giao cho cán bộ 01 bản; đơn vị lưu 01 bản và gửi 01 bản cho cơ quan QSDP nơi cán bộ về cư trú (cấp quân khu hoặc cấp tỉnh, huyện theo phân cấp) để quản lý và thực hiện chế độ.

2. Đối tượng 1 (tại điểm a, khoản 1 Điều 2 Thông tư số:/2011/TT-BQP) lập thêm 01 bản; Phòng, Ban Chính sách đơn vị trực thuộc Bộ gửi 01 bản về Cục Chính sách Tổng cục Chính trị để quản lý theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY GIỚI THIỆU
Di chuyển phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu

Kính gửi:

Đồng chí:; sinh ngày
.....

Cấp bậc:; Chức vụ:.....

Đơn vị.....

Nhập ngũ:.....

Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày tháng năm, theo Quyết định số ... ngày tháng năm của

Nơi nhận lương hưu hàng tháng:.....
.....

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu.
2. Bản sao Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.

Đơn vị cũ thông báo (nếu có):

.....
.....
.....

Đề nghị:
đăng ký, quản lý để thực hiện chế độ góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.

....., ngày tháng ... năm

CÁN BỘ CHÍNH SÁCH
(Ký tên, ghi rõ họ, tên)

.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ QUỐC PHÒNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG 1 CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

ĐẾN NGÀY/...../20

(Cán bộ cấp Tướng; Đại tá nâng lương lần 2; sỹ quan nguyên là Tư lệnh, Chính ủy quân đoàn và tương đương trở lên nghỉ hưu; Do các đơn vị trực thuộc Bộ đóng quân trên địa bàn thành phố Hà Nội và các Quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội báo cáo)

TT	HỌ VÀ TÊN Ngày, tháng, năm sinh	Cấp bậc, Chức vụ (khi nghỉ hưu)	- Đơn vị quản lý trước khi nghỉ hưu - Đơn vị quản lý hiện nay	- Thời gian nhập ngũ - Thời gian nghỉ hưu	Nơi cư trú khi nghỉ hưu (Ghi rõ: Bản, thôn ấp, số nhà, phố; xã, phường thị trấn; huyện, thị; tỉnh, thành phố)	- Là người có công với CM. - ĐT (nếu có)

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) CHÍNH SÁCH

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)